NĂM THỨ BA — Số 114 Thứ năm — 30 Sept. 1943

TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HÀNG TUẦN

Mục Lục

* Dịch sách xưa — *Đào-duy-Anh*
* Một quyển sử Ai-cập — *Ưng-Hòe*
* Phê bình « Hương-Xa » — *Kiều-thanh-Quế*
* Cuốc nguyệt, cày mây. — *Hoa-Bằng*
* Việt-nam khoa-học ngữ (I) — *Nguyễn-trọng-Thuyết*
* Sâm Thương là hai sao nào ? — *Việt-Lan*
* Những ông nghè triều Lê (LXII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Các bực khoa-bảng huyện Thọ-xương và Vĩnh-thuận (I) — *Trần-huy-Bá*
* Hai bà Bùi-thiếu-Xuân và Lê-ái-Lương (Hết) — *Trịnh-như-Chất*
* Tạo hóa và nhân loại (VIII) — *Minh-Tuyền*
* Đại-Nam dật sự (IX) — *Ưng-Hòe*

Tòa Báo : 95-97, phố Chanceaulme, Hanoi

Mỗi số **0$30** — Một năm **12$00** — 6 tháng **6$50** — 3 tháng **3$50**

Dịch sách xưa

ĐÀO DUY-ANH

GẦN đây thấy trong báo chí có đăng cáo bạch của nhà xuất bản Tân-dân về *Phổ-thông chuyên san*, trong ấy có báo tin sẽ có những sách « dịch những bộ sử của ta cùng những sách phụ thuộc vào sử. Đại khái như: *Đại-Việt sử ký, Việt-sử cương mục, Lịch-triều hiến chương Phủ biên tạp lục, Kiến văn tiểu lục* v. v... » Những sách dịch ấy sẽ có thể giúp cho các thanh niên tân học nghiên cứu sử-học rất tiện, mà nhất là sẽ có thể khiến cho sử-học nước ta tiến bộ rất nhiều, nhưng muốn cho ích lợi ấy thực là chắc chắn vững vàng thì sự phiên dịch phải cẩn thận lắm. Nếu dịch không cẩn thận, không chu đáo thì sách sẽ chỉ có công dụng cạn hẹp nhất thời, mà sau này người ta lại phải đem dịch lại. Tôi rất mong những sách phiên dịch của bộ *Phổ-thông chuyên san* sẽ được các dịch giả dụng tâm đặc biệt để có thể thành những bộ sách có giá trị vĩnh viễn, nhất định.

Trước khi được hoan nghênh các sách ấy, tôi xin bàn góp một vài điều về vấn đề dịch các sách xưa của ta, gọi là tỏ chút cảm tình với loại sách qui mà chúng ta đương chờ đợi

Ông Đỗ-Thúc, trong bài « Vấn đề dịch sách » đăng trong *Tri-tân* (những số 88, 89, 90, 91, 92) và trong *Khai trí tiến đức tập san* (số 7 và 8) đã bàn về những điều khó khăn trong sự phiên dịch sách pháp văn (nhắc đến bài ấy không phải là tôi tán thành hoàn toàn lối dịch của ông Đỗ Thúc đâu); tôi xét trong sự phiên dịch những sách hán văn xưa của ta, dù là sách chép tay hay sách in mộc bản, lại có những điều khó khăn về các phương diện khác, chứ không phải chỉ khó về phương diện văn lý và ngôn từ mà thôi.

Điều khó khăn thứ nhất là sách xưa của ta có rất ít bản không sai lầm, hoặc sai lầm vì thợ khắc sai (sách in), hoặc sai lầm vì tam sao thất bản (sách chép tay), cho nên trước khi phiên dịch, dịch giả phải lo đính chính nguyên văn đã.

Xin dẫn ít chỗ sai lầm trong sách in. Vì như trong sách *Đại-việt sử ký toàn thư*, quyển 7, trang 42 a, và quyển 8, trang 6 a, đều chép Quảng-oai-trấn về những việc xảy ra ở năm 1375 và năm 1383. Song xem ở *Toàn-thư* quyển 8, trang 29 a thì thấy đến năm 1397, Hồ Qui Ly, sau khi làm Phụ chính Thái-sư, mới đổi Quốc-oai-trấn làm Quảng-oai trấn. Theo sách *Khâm-định Việt-sử cương mục* (quyển 11, trang 27 b) thì năm ấy Qui-Ly đổi lộ làm trấn và Quốc-oai-lộ đổi thành Quảng-oai-trấn. Cứ việc cải cách của Qui Ly chép ở *Toàn-thư* và *Cương-mục* thì trong *Toàn-thư* quyển 7 trang 42 a và quyển 8 trang 6 a, chữ « Quảng-oai-trấn » phải sửa lại là « Quốc-oai-lộ », và ở quyển 8 trang 29 a, « Quốc-oai-trấn » phải đổi là « Quốc-oai-lộ ».

Lại như, sách *Toàn-thư*, trước đời Hồng-đức thì chép Thanh-hóa 清化 (quyển 12, trang 34 a), mà sau đời Hồng-đức thì chép là Thanh-hoa 清華 cả. Nhưng theo lời chú ở *Cương-mục* (quyển 21, trang 20 a-20 b) thì tên Thanh-hóa 清化 có từ năm thứ 2 hiệu Thiên-thành triều Lý (1029), cho đến sau đời Lê trung-hưng mới đổi làm Thanh-hoa 華, rồi đến đời Thiệu-trị, năm thứ 3 (1843) mới lại đổi là Thanh-hóa 化. Bằng theo lời chú ấy thì chữ 清華 ở sau đời Hồng-đức phải sửa lại là 清化.

Đó chỉ dẫn qua vài tỷ dụ về địa danh. Nếu xét kỹ, ta còn thấy rất nhiều chỗ sai lầm về địa danh, về nhân danh, về niên-hiệu, cùng là về những chữ thông thường nữa, kể ra không xiết.

Những sách in về lịch sử triều Nguyễn, như *Đại-Nam liệt-truyện* và *Quốc-triều thực lục* cũng không khỏi có chỗ sai lầm.

Đến các sách chép tay thì còn nhiều chỗ sai lầm hơn và lại có rất

nhiều chỗ thiếu sót. Tôi lấy sách *Phủ-biên tạp lục* của Lê Quí Đôn làm tỷ dụ. Sách ấy không có bản in, mà bản viết thì mỗi bản một khác. Chính tôi đã thấy đến 10 bản, mà đem so sánh thì không thấy bản nào giống hẳn bản bản nào, dẫu là những bản cùng chép ở một bản cũ cũng vẫn có chỗ khác nhau. Nếu đem so bản của Bảo-đại thư-viện với bản A 184 của Viễn-đông bác-cổ-viện thì ta thấy bản trên thiếu rất nhiều đoạn, có chỗ thiếu cả đoạn dài mấy trang. Đem so những bản khả dĩ gọi là đầy đủ với nhau (như bản của Bác-cổ-viện và bản của nhà họ Cao ở Phủ-diễn) thì cũng vẫn còn thấy thiếu sót ít nhiều. Đến như những chỗ sai lầm hay đáng ngờ thì là vô số.

Đây tôi chỉ dẫn vài tỷ dụ ở bản của nhà họ Cao mà hiện tôi còn được mượn. Quyển I, trang 9 b, hàng 4 chép 順卅四縣,賴調石蘭巴蘭安仁,化卅七縣,茶倡賴逢,乍合思容蒲苔蒲浪土榮.

Cũng ở chỗ ấy, bản của Bác-cổ-viện thì lại chép 賴調不簡巴蘭安仁 và 茶倡賴蓬乍合思客蒲苔蒲浪土榮; bản của Bảo-đại thư-viện thì chép là 利調丕蘭巴蘭安仁 .. 思容 ... 士榮. Sách An-nam Chí-nguyên (Ngan nan che uyen, bản của Bác-cổ-viện xuất bản) thì lại chép là 調賴巴闊不蘭 ... 思客 ... 士榮.

Đem so sánh các bản ấy thì ta có thể tưởng rằng trong bản họ Cao chỉ có những chữ 賴調安仁乍合蒲苔蒲浪 là đúng, còn các chữ khác là sai cả. Nhưng ta chỉ có thể sửa lại 茶倡 là 茶偈 (ở Thuận-hóa xưa có làng Trà-hộ, nay là Thanh-lương), 賴逢 là 賴蓬

Thống-chế Pétain đã nói :

« Đối với hết thảy chung ta ngày nay, sự nhẫn nại có lẽ là một thứ can đảm cần thiết hơn cả ».

(ba bản chép chữ ấy), 思容 là 思客 (chữ *Tư dung* đến đời Mạc, vì húy Mạc Đăng Dung 庸, mới đổi sang *Tư khách*, sau lại đổi lại *Tư dung*, bây giờ là *Tư hiền*), 士榮 là 士榮 (ba bản chép chữ ấy, sau đổi là *Tư-vinh*, nay là *Phú-vinh*), còn những chữ 石蘭巴蘭 thì còn phải ngờ.

Quyển II, trang 7 a, chép 程泉侯所指端國公之橫山常不在巴黃而在隸第矣; bản Bảo-đại thư-viện lại chép rằng... 當在巴黃而不在隸第矣. Lấy nghĩa cả đoạn văn trên dưới mà suy thì bản của họ Cao phải sửa theo bản của thư-viện mới đúng.

Xem qua ít tỷ dụ ấy thì ta thấy rõ rằng trước khi đem dịch một bản sách xưa, dù là sách in hay sách viết, dịch giả cần phải đính chính nguyên văn cho kỹ càng, mà trong việc đính chính ấy, lại phải tra cứu nhiều sách khác chứ không có thể bằng vào sở kiến riêng của mình được. Nếu không đính chính nguyên văn mà vội đem dịch thì bản dịch ấy sẽ thành vô dụng cho sử học.

Nhưng chỉ dịch theo nguyên văn cũng chưa đủ. Đây tôi không nói những sự khó khăn về văn lý và ngôn từ, về phương diện này thành công hay thất bại là tùy theo dịch giả là người học nhiều hay ít. Tôi chỉ muốn nói thêm rằng quyển sách dịch đúng rồi, muốn cho nó thành hữu ích thực, thì dịch giả cần phải chú giải cho kỹ để người đọc có thể hiểu được. Nếu dịch sách xưa mà không chú giải thì những người độc giả thông thường vẫn không đọc mà hiểu được, như thế thì có sách dịch mà cũng như không. Vậy phàm nhân danh, địa danh, cùng những danh từ khó hiểu thuộc về quan chế, binh chế tài chính, tóm lại là thuộc về chế độ xưa, dịch giả đều phải gắng mà giảng giải cho kỹ.

Ta hãy lấy vài câu trong *Đại Việt sử ký toàn thư* làm tỷ dụ. Quyển 15, trang 42, có câu : 凡順化溝運官粟二遷並勸官員進一級,賞二資,前力勇武士年深併已出身者四本貫情願許如出身,除中府,新選出身材項除武尉正八品,分入各衛官直文碩有出身例,除知縣縣丞,若無出身,并軍色民人除副武尉從八品. Câu ấy có thể dịch là : Phàm người xứ Thuận-hóa, chở lúa của nhà nước hai chuyến đều siêng năng, thì quan viên được thăng 1 cấp, thưởng 2 tư ; những lục dũng vũ sĩ cũ làm việc lâu năm, cùng những kẻ đã xuất thân mà ký về bản quán, nếu tình nguyện thì cũng cho được như kẻ xuất thân, được bổ trung úy ; người tân bạng mới tuyển xuất thân thì được bổ Vũ-úy chánh bát phẩm ; (các trung úy và vũ úy ấy) chia vào các vệ để chầu-chực ; văn thuộc nhà nho

(Xem tiếp trang 23)

Một quyển sử Ai-cập

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bộ *Lịch-sử thế-giới* mới ra quyển thứ ba, đề là *Thượng cổ sử, Ai cập*, của ông Nguyễn đức Quỳnh biên-khảo, in được 196 trang trong tập *Văn mới*, số 16-17, xuất-bản ngày 25 tháng 8 tây.

Soạn được như thế, đã là công-phu, nhưng hãy còn nhiều chỗ nhầm, cần phải chữa, và có đoạn không hợp lối viết sử, tôi sẽ lần-lượt kể dưới này.

Trang 74 có câu: «So với những pho tượng đào thấy ở trong các lăng tẩm, hay tạc ở trên các thành quách (?) thì thấy rõ người dân Ai-cập cổ thời rất (?) tương tự giống người fellahs vốn là dân bản xứ Ai-cập hiện đại». Ai đọc câu ấy vẫn tưởng fellah là tên đất, tên nước, hoặc tên một dân-tộc nào: dẫu không viết chữ hoa, người ta cũng nhầm. Sách tây, từ quyển dạy bậc trung-học (như quyển Albert Malet, *L'Antiquité*) cho đến mấy quyển chép cho các nhà chuyên khảo dùng (như quyển G. Maspero, *Histoire ancienne des peuples de l'Orient*) đều chua nghĩa chữ fellah là dân nhà-quê của Ai cập: «Les statues trouvées dans les tombeaux, les personnages sculptés dans les bas-reliefs qui ornent les monuments, montrent que les Egyptiens d'autrefois ressemblaient aux fellahs ou paysans d'aujourd'hui» (rích trong sách Malet, trang 7); — «Aujourd'hui, bien que les classes supérieures se soient defigurées par des alliances répétées avec l'etranger, les simples paysans ont gardé presque partout l'aspect de leurs ancêtres, et tel fellah contemple avec étonnement les statues de Khéphrên ou les colosses des Ousirtasen qui promène, à travers le Caire, à plus de quatre mille ans d'existence, la physionomie de ces vieux Pharaons» (trích trong sách G. Maspero, trang 18).

Câu trên nghĩa là: «Những pho tượng tìm thấy trong các lang-tẩm, những hình người chạm nổi để trang-sức lâu-đài, chứng-minh rằng người Ai-cập đời xưa giống người Ai-cập nhà quê (fellah) bây giờ».

Nếu ông Quỳnh nói rõ xuất-xứ và viết rõ như thế, thì ông không nhầm: chữ «bức chạm nổi để trang-hoàng các lâu-đài» ra chữ «*thành-quách*» (một chỗ nhầm), — câu «dân Ai-cập đời xưa giống dân Ai-cập nhà quê bây giờ» ra câu «dân Ai-cập cổ thời *rất* tương tự *giống* người fellahs» (hai chỗ nhầm); — chữ «fellah là người nhà quê của nước Ai-cập bây giờ» ra chữ «fellah vốn là dân *bản xứ* Ai-cập hiện-đại» (ba chỗ nhầm).

Vẫn trang 74, ông Quỳnh nói: «Khoa nhân chủng học liệt người Ai-cập vào loài Hamites là loại người gồm phần lớn dân bác Phi...». Trang 80-89, ông cũng viết là Hamites. Chính là Khamites mới đúng các sách nói về nhân-chủng (như quyển J. Deniker, *Les races et les peuples de la terre*, bản in năm 1926, trang 521) đều viết như thế; mà tự-vị *Larousse* thì cắt nghĩa là «một chủng-tộc gồm cả đoàn-thể Ai-cập, Libye và Ethiopie, ba đoàn-thể ấy là dòng-dõi ông Cham, con thứ hai cụ Noé». Ông Quỳnh có viết là Khamites ở trang 73, nhưng ông cắt nghĩa là «dân tộc trung gian giữa dân Ai-cập và dân Ả-rập»: như thế thì có lẽ ông cho là giống khác, cho nên đến trang sau (là trang 74) ông viết là Hamites.

Còn nhiều chỗ nhầm nữa, song xét ra cũng chưa quan-trọng bằng lối văn phán-đoán vô-lí như sau này: «kể hàng bao nhiêu thế kỷ dân cầy đã là con lừa cõng trên lưng mình bốn giống trùng hút máu, hút mủ, ăn thịt, bào da của mình, nhất là giống trùng tăng lữ» (trang 103): lối văn như thế không phải là văn chép sử; văn chép sử phải bình-tĩnh, điềm-đạm, cố chép lấy sự thực, không nên lấy tình cảm riêng mà phê-phán... Như về đoạn sử trên này, có một học-giả người Pháp (A. Moret, *Le Nil et la civilisation égyptienne*, trang 351, in trong bộ *L'évolution de l'humanité*) dẫn một đoạn sách của một nhà làm sử ở nước Hi-lạp đời xưa (tên là Diodore) như thế này: «Tất cả đất Ai-cập chia ra làm ba phần. Phần thứ nhất to hơn cả, là phần của các thầy tu: thầy tu được dân bản-xứ tin theo hơn hết, là vì đã làm việc tôn-giáo, lại có giáo-dục và học-thức rất là đầy-đủ...» (Tout le sol de l'Egypte est partagé en trois portions. La première et la plus considérable appartient au collège des prêtres, qui jouissent du plus grand crédit auprès des indigènes, tant à cause de leurs fonctions religieuses que

parce qu'ils ont reçu l'éducation et l'instruction la plus complète...).

So câu này với câu của ông Quỳnh, có phải rõ-ràng ông Quỳnh lấy ý riêng mà làm sai sự thực đi không?

Nếu kể hết những chữ, những câu sai-nhầm thiên-vị như thế, thì dài lắm, nay chỉ kể một vài chỗ ông Quỳnh vì việc Ai cập với việc Đông-dương như sau này:

Trang 48 ông nói «dân Thái suốt ngày sống với nước Mẹ khoòng (sông Cửu long); lúc chết đi xác họ lại phó cho Hằng-Hà, Mẹ khoòng». nói như thế thì nhầm, vì theo sách tây (như quyển *Notice sur le Laos français*, trang 66), thì «đại loại người Thái thiêu người chết» (en principe les Tais brûlent leurs morts), hoặc cũng có người chôn, nhưng không «phó cho Hằng-Hà» bao giờ.

Trang 79 80, ông Quỳnh viết một câu rằng: «Công trình vĩ đại — một kỳ quan trọng các kỳ quan — đó đã do các nhà trị thủy trong triều vua Ménès (xưa gọi là Mitsraïm, tương tự vua Vũ ở Trung-Hoa, thần Tản Viên ở Việt Nam) thực hành, và vượt hẳn mọi công trình trị-thủy hiện đại...» Tản-viên trị thủy thì nhầm lắm: quyển *Việt-điện u-linh* chép: Hùng-vương (hoặc Lạc-vương) có người con gái là mị-nương (con gái vua gọi chung là mị nương), dung mạo hơn đời. Thục-vương cầu hôn không được. Vua Hùng sợ Thục-vương gây thù, bèn tìm người có kỹ-tài dị-thuật để gả. Một hôm Sơn-tinh, (tức thần Tản-viên) và Thủy-tinh cùng đến, vua Hùng nói: «Ta chỉ có một con gái, mà hai người cùng tài-giỏi, thì làm thế nào?» Vua bèn cho về sắm sửa sánh lễ, ngày hôm sau ai đến trước thì gả cho Thần Tản-viên về, hôm đêm sắm-sửa thổ-nghi, kim ngân, tê tượng và các thứ chân-cầm dị-thú, kể hàng trăm: sớm hôm sau đâng đến: Hùng-vương mừng lắm gả mị nương cho. Tản-viên đón về, tạm nghỉ ở Lôi-sơn. Mãi đến gần tối Thủy-tinh mới đem sánh-lễ đến. Thấy mị-nương đã về tay Sơn-tinh, Thủy-tinh giận lắm, đem quân đuổi theo, muốn đánh đổ Lôi-sơn. Sơn-tinh dời đến ở đỉnh núi Tản-viên. Đời đời cùng Thủy-tinh thù nhau hằng năm đến mùa thu (là mùa nước lên ở Bắc-kỳ), Thủy-tinh dâng nước lên đánh Tản-viên, dân trên núi đem nhau ngăn rào để hộ vệ: Thủy-tinh không dám phạm...» (lược-thuật theo bản sao của Trường Bác-cổ, số A 751, tờ 65 a b).

Như thế là thần Tản-viên đánh nhau với Thủy tinh, chứ không phải «trị thủy».

Trang 79 ông Quỳnh chua «các hồ Lãng bạc, Bầy Mẫu và sông Tô-Lịch ở Thang-long có lẽ đào ra cũng cốt để giữ cho Hà thành khỏi lụt»: hai chữ «Lãng-bạc» ấy, giá ông viết là «Hồ tây» thì dễ hiểu; vả lại chữ Lãng-bạc hiện nay có người nói không chắc có phải là Hồ tây không. Cứ theo mấy quyển sử chữ nho của ta, như *Đại-Việt sử-ký* (quyển 3, tờ 5 b), *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 3, tờ 2 b), *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* (quyển 2, tờ 11 a), thì Lãng-bạc là tên hồ ở con đường phía tây thành Đại-la. Sách Tau, như quyển *An-nam chí nguyên* (trang 142) cũng chép Lãng-bạc là Tây-hồ. Quyển *Từ nguyên* (tị, trang 85) chua «Lãng bạc là tên hồ, ở khoảng giữa; một bên sông Hồng hà, một bên sông Tô lịch, thuộc Hà-nội».

Nhưng đó toàn là sách làm ra mới độ bốn năm trăm năm nay. Sách Tàu cổ nhất, như quyển *Thủy kinh chú* soạn về cuối đời Hán (khoảng năm 100 219), chép rằng: «Sông Diệp du ở bên Tàu chảy qua phía bắc huyện Mê linh, rồi lại quanh ra phía đông chảy tắt đến Lãng bạc. Ma-Viện cho là chỗ đất ấy cao, đem quân ở Tây lĩ đến đóng» để sang đánh bà Trưng (*Thủy kinh chú*, sách in ở Bác-cổ số 2067, quyển 37, tờ 7 b). Lại bộ *Tư trị thông giám* của Tư-mã Quang (quyển 43, tờ 6 a) đời Tống, có câu: «Mã-Viện

(Xem tiếp trang 21)

ĐỌC VĂN VIẾT VĂN

Ngài thấy mệt không đủ sức làm việc, mấy năm gần đây thuốc bổ khoẻ Trường-Xuân Ngài dùng thường sẽ được kiện.

Mỗi hộp 0$80 do Tam-bảo Dược-phòng 117 Faucault Saigon bào chế. *Đề mandat cho Ô. Phạm văn Điều.* Mua sẽ biếu-hồng đặc biệt.

NGÀI HÃY ĐỌC

Tạp-chí Hạnh Phúc, cơ quan văn-học, khoa học có các cây viết trứ danh như: Thanh Vân Hồm Kiều thanh Quế, Nguyễn văn Phấn, Vitu, Phạm văn Điều, v. v...

Trọn năm — 4$00

Đề mandat cho: Phạm văn Điều 117 Faucault Saigon.

Phê bình

HƯƠNG XA

KIỀU THANH-QUẾ *viết*

Tôi thích đọc tiểu thuyết dịch, vì tôi có ý nghĩ : tiểu thuyết Âu Mỹ có hay, dịch giả Việt Nam mới dụng công diễn quốc văn.

Hơn nữa tôi thích đọc tiểu thuyết dịch để xét nét sự tương phản và sự dị-đồng giữa mạch văn Âu Mỹ và mạch văn Việt-Nam. Thế nên có quyển tiểu thuyết tôi đã đọc được bản Pháp văn rồi, mà gặp bản quốc văn tôi cũng mê thích đọc. Như thiên truyện ngắn *Les étoiles* (*các vì sao*) của A. Daudet trong tập *Lettres de mon moulin*. Truyện ngắn ấy tôi đã đọc nhiều lần hồi còn đi học. Thế mà gặp bản dịch của Thạch Lam tôi đọc còn thấy thích hơn nguyên tác, vì chỉ nhờ bản dịch tôi mới biết được :

— Con đường của thánh Jacques là *sông Ngân hà* ;

— *Chiếc xe-các linh hồn* (char des âmes) là *sao Bắc đẩu* ;

— Jean de Milan là *sao Lăng* ;

— *La Poussinière* là *sao Ngàng* ;

— Cô *Maguelone* là *sao Hôm* ;

— Cậu *Pierre xứ Provence* là *sao Thổ*.

Gérard de Nerval hồi mới hai mươi tuổi diễn Pháp văn vở kịch *Faust* của Gœtbe đã được Gœtbe hết lời ngợi khen.

Ngày nay dưới cõi âm, Thạch Lam nếu có dịp gặp A. Daudet, tất sẽ được A. Daudet hết lời ngợi khen.

Tập *Hương Xa* của nhà xuất bản Đời Nay là một tập truyện ngắn dịch của Đông-phương và Tây-phương, là « những thí-dụ linh hoạt để bạn đọc trông thấy ít nhiều giọng điệu của một vài xứ-sở phương ngoài ». Truyện đầu là truyện *các vì sao* do Thạch-Lam dịch của A. Daudet. Các truyện kế dịch của Nhựt (Nagai Kafu), của Tàu (Kim cổ kỳ quan), của Đức (Zweig), của Ý (Pirandello), của Ấn-Độ (Tagore), của Nga (Tolstoï), của Anh (Maugham) của Mỹ (Thompson Selon), của Tây-ban-nha (Miranda Nieto).

Thú vị nhứt là những truyện dịch của Nagai Kafu, Picandello Tolstoï, Maugham.

*
* *

Tác giả (Nagai Kafu) gặp một ca kỹ. Câu chuyện giữa họ là những đoạn khám phá tâm lý giữa khách tình và nàng ca kỹ rất lý thú.

Cả hai xuống thuyền đi xem vườn mẫu-đơn ở vùng ngoại-ô. Bấy giờ đã cuối tháng năm. Nhưng ở vườn ấy, bàn tay nhân tạo nhúng vào để vớt-vát lại chút hương thừa vị sót của hoa đã đến thời-kỳ tàn-tạ.

« Ở miền ngoại ô ướt át, đường bẩn lắm. Nàng Hồng Liên (tên người ca kỹ) và tôi (Nagai Kafu) tránh các vũng nước, qua một cái cầu, rồi vào một con đường lát gạch, hai bên bờ bày những chậu hoa, và có những cây cổ thụ lớn. Cuối vườn bóng tối đã phủ và những chiếu căng lên che mưa cho hoa... Những bông hoa mẫu đơn giống từng hàng ẩn hiện mập mờ trong bóng hoàng-hôn và dưới ánh sáng vàng nhạt các ngọn đèn. Nhiều cánh hoa đã tả-tơi rơi dưới đất ; những bông còn lại để lộ những cánh úa trên đài đen. Nếu những bông hoa này để ra ngoài nắng gió thì đã rụng rồi, nhưng người ta tàn bạo bắt hoa ở lại cho đến lúc tàn hẳn mới thôi. Mỗi bông hoa tàn thoát ra một cảm-tưởng mệt mỏi, chán-chường, làm tôi bỗng liên tưởng đến tâm trạng của hai chúng tôi lúc đó. Chúng tôi lặng ngắm các cánh hoa như nhủ thầm nhau rồi đồng lòng nặng-nề rơi xuống đất. Vậy mà một ngọn gió nhẹ cũng không có, một tiếng chân động cũng không. Vài cánh hoa rơi trên đống lá đen, các cánh khác lả-tả rơi xuống mặt đất, chỗ có ánh đèn chiếu đến.. Mùa hoa đã hết và lúc này đã muộn, nên không có du khách nào đến sau chúng tôi nữa. Về phía phố, men theo sông, tiếng trẻ con đùa nghịch còn vọng lại, thỉnh thoảng tiếng hát lại dội lên, tưởng như bọn chúng mỗi lúc một đông.

— Mẫu-đơn Bản-Sở chỉ có thế này ư ?

— Ấy chính người ta thường bảo, những vật quí giá đối với kẻ muốn biết rõ-ràng vẫn chỉ làm cho thất vọng thôi ».

Nagai Kafu kể ra không phải một nhà tiểu thuyết danh-tiếng

của nước Nhựt. Những truyện ngắn này thật thú vị. Ông Vũ-minh-Thiều thật không uổng công chọn-lọc đem diễn quốc-văn.

***

Truyện *Người ta sống bằng cái gì* của Tolstoï là một truyện tư-tưởng. Lời văn giản-dị chỉ có cách dàn xếp mới thật thần tình. Phải đọc hết truyện từ đầu đến cuối mới lãnh hội được tư-tưởng cao thâm, và cách dàn xếp kỳ diệu của tác giả.

***

Truyện ngắn của Maugham thú vị nhờ cốt truyện đã đành nhưng nhờ nhứt ở những giải phẫu tâm lý của ông. Truyện ngắn *Bệnh viện* mà Khải-Hưng dịch của ông vẫn có đoạn dâng cho ta những giải-phẫu tâm lý sâu-sắc ấy :

« Bảo rằng thống khổ làm người ta trở nên cao thượng là không đúng. Thường thường thống khổ nhỏ nhen, cáu kỉnh, ích kỷ. Nhưng ở bệnh viện này không ai đau-đớn lắm. Khi bệnh lào quá nặng, người ta chỉ hơi sốt, và người ta hăng-hái lên chớ không yếu sức đi. Bệnh nhân thấy mình nhanh nhẹn hơn và hi vọng lôi cuốn, họ vui vẻ dự định tương lai ; nhưng cái ý chết vẫn ám ảnh tiềm giác họ, cái điệp ý quan trọng ấy chạy dài trong vở ca kịch nhẹ nhàng. Từng đoạn những khúc êm du, ngọt ngào, những điệu khiêu vũ trở nên bi đát và quất mạnh vào thần-kinh người ta ; những quyền lợi vật chất, những ganh tỵ lo phiền nhỏ nhen không đáng kể nữa ; lòng trắc-ẩn và sự khủng bố vụt làm cho tim ngừng đập và sự khiếp sợ cái chết liệng, như làn yên lặng liệng trên rừng sâu trước khi có cơn giông tố ».

Bàn về một thiếu nữ đã nhận được « tất cả kinh nghiệm về đời », « đã có thể theo rõi biết bao chuyện tình », Maugham bảo « nàng vừa ngây thơ thành thật, lại vừa sáng suốt thấu đáo nhân tâm ». Với tất cả mọi người « nàng vui vẻ ân cần tiếp chuyện, nhưng óc không cuồng loạn bao giờ, rõ ràng một người đàn bà tri thức ». Maugham nhận thấy và ngạc nhiên : « Tính cương-cường ấy của một người nhẹ dạ như nàng kể cũng lạ ».

Ngây thơ nhẹ dạ mà lại thấu đáo nhân tâm. Nhẹ dạ mà cương-cường. Toàn những tình cảm trái ngược nhau. Phi một ngọn bút thần tình tưởng khó vẽ nổi.

Khi nàng ấy gặp một người đàn ông—Templeton, Maugham chẳng bảo rõ nàng yêu. Templeton hay không, chỉ nói lửng-lơ : « Đành rằng nàng thích nói chuyện với Templeton nhưng nàng không cố ý tìm cơ hội và hình như nàng lại mưu tránh những dịp chỉ hai người ngồi đối diện nhau ».

Maugham lại « nhận thấy má nàng ửng đỏ khi Templeton bước vào phòng ăn và mắt nàng đầy tình thương những khi Templeton không nhìn nàng. Cái mỉm cười của nàng dịu xuống để nghe ông kia (Templeton) thuật lại những kỷ-niệm ».

Chuyện trai gái, người ta viết cũng đã nhiều. Nhưng hồ dễ mấy ai viết cho có lý thú được.

« Cái ánh đèn nhà trước cửa »

Chỉ với mỗi một cái ánh đèn thôi, mà Pirandello có thể làm cho ta cảm động, thương xót, thì tài nghệ đó tưởng khó mà tìm được trong làng tiểu-thuyết Việt-Nam.

...Một chàng thanh niên kỳ dị đến mướn một căn nhà trọ lâu nay không ai mướn. Ban đêm chàng đi chơi luôn, ít khi có nhà. Một hôm may sao chàng không đi chơi nữa. Nhưng ở nhà, chàng lại không chịu thắp đèn. Bà chủ nhà trọ và cô con gái của bà muốn lấy lòng ông khách ở trọ. Cô con gái bưng đèn sang cho chàng mượn. Chàng xua tay đuổi ngay, bảo mình không cần ánh đèn. Đã mấy lần như thế ; cô con gái có cảm tình với chàng bưng đèn sang đều bị chàng đuổi về.

Chàng tưởng có thể sống yên trong bóng tối được. Nhưng « cái ánh đèn nhà trước cửa » lại rọi sang làm sáng phòng chàng. « Chàng nhìn ánh sáng kia một lúc, như một điều phi thường, cổ họng chàng thắt lại vì mối lo ghê gớm, vì chàng thấy ánh sáng nó ngon ngon mơn trớn cái giường, cái thành giường, và đôi bàn tay tái xanh của mình đặt ngay trên chiếc bàn con. Sự lo sợ kia làm sống lại trong đáy lòng chàng kỷ niệm gia đình tan nát, tuổi trẻ mình bị đè nén, thân mẫu mình, chàng như gợn nghĩ đến ánh sáng một buổi bình minh xa xôi. Chàng đứng dậy, ra cửa sổ đứng sau cửa kính nhìn trộm nhà trước mặt có cửa sổ đưa ánh sáng lại ». Ở nhà bên kia, dưới ánh đèn, vợ chồng cha con hội họp : một bữa cơm tối vui vẻ, đầm ấm. Từ đó, mỗi tối, chàng đứng ở cửa sổ như một gã ăn mày, để

(Xem tiếp trang 1?

Phong-dao giải nghĩa

Cuốc nguyệt, cày mây

HOA-BẰNG

Trời mưa thì mặc trời mưa,
Chồng tôi đi bừa đã có áo tơi.

Bừa — Một công việc làm sau khi đã cày đất. Với cái bừa (herse), người ta cho trâu kéo đi trước, tay cầm đẩy ở sau, bừa đi xát lại từng luống, từng lượt như lúc cày, rồi chà cho nhỏ đất, vơ cho sạch cỏ và san cho phẳng mặt ruộng để sau sẽ trồng cấy.

Áo tơi — Một thứ áo đi mưa làm bằng lá gồi, khâu bằng giây tưng tưng, rẻ tiền. Dân quê thường mặc để làm việc khi mưa, rét.

Bài này tả cái tâm-tình người vợ lúc nào cũng lo-lắng đến chồng đang làm công-việc đồng-áng.

Nhân đó, ta thấy rõ cái đức tính cần-cù và can-đảm của nhà nông: không sợ mưa nắng, chỉ biết phấn đấu với thiên-nhiên để làm cho hết sở-năng, khiến mọi người trong xã-hội, nhờ sức sinh-sản của mình, được bưởng bát cơm ra từ kết quả cày mưa, cuốc nắng.

***

Trời mưa, trời gió. Long-tong
Cha con ông Sùng đi gánh phân trâu:
Đem về trồng bí, trồng bầu,
Trồng hoa, trồng quả, trồng trầu, trồng cau.

Sùng — Một tiếng tên riêng. Phong-nhân cử một ông Sùng làm lệ để tả cái cảnh cần-lao chăm-chỉ của nhà nông: Dầu đang mưa tầm-tã, gió ào ào, cha con người nông-phu ấy vẫn hăng-hái làm việc: Long-tong tất-tả đi gánh phân trâu là một thứ đồ bón để đem về bỗ ruộng, bón vườn, khiến cho các thứ trồng-tỉa như bầu, bí, hoa quả, trầu không và cây cau đều được tươi-tốt nảy nở.

Bài này tả cái « thần thánh » của nhà nông, khiến người đọc đến như trông thấy một bức tranh vẽ đời « cần-lao » đáng cảm-động! Phải, nhà nông chiến-đấu với mưa phũ-phàng, với gió cay-nghiệt, để làm đất-ruộng thêm màu mỡ, đồng-loại có bát cơm ăn: ai chẳng kính phục trước sức sinh-sản ấy?

***

Hỡi cô gánh nước quang mây!
Cho anh xin gáo tưới cây ngô-đồng!

. . . . . .

Quang — Bốn cái giẻ bằng mây buộc vào cái trôn quang bằng tre, là một thứ đồ dùng để gánh. Ở quê thôn trước kia, người ta thường dùng quang mây và nồi trã để gánh nước, chứ chưa có thùng sắt tây và móc xích như bây giờ.

Ngô-đồng — Có hai giống khác nhau nhưng trùng một tên gọi: Một thứ to, to bằng cây chậu lớn. Có lẽ nó là cây vông (?). Một thứ nhỏ, hoa đỏ, người ta cũng kêu là « ngô-đồng », thường trồng vào chậu làm cảnh chơi.

Bài này nói về một chàng nông-phu mượn chuyện xin nước tưới cây để bỡn cợt cô gái gánh nước.

***

Hỡi cô yếm thắm, dải là!
Lại đây đập đất, trồng cà đỡ anh!
Bao giờ cà lớn, cà xanh,
Anh cho một quả để dành muối dưa.

Mặc cái yếm nhuộm đỏ thắm-thống buông đôi dải lượt-là, một cô gái đang đi, bỗng thấy có tiếng gọi lại: « Cô ơi! Lại đây! đập đất giúp tôi một tay! Để tôi làm màu trồng cà! Rồi tôi sẽ đền công bằng cách biếu cô thứ *cây nhà lá vườn* ấy.

Đây chỉ có ý: một chàng nông-phu đang làm màu, một mình không vui, nhân thấy một cô đi qua gần đấy, bèn nói đùa cho vui chuyện như vậy.

***

Sáng ngày ra thì tôi nợ bà:
Mặt trời tà tà thì bà nợ tôi.

Tà-tà, là một tiếng « phó-từ » (adverbe). Chiều đến, mặt trời chênh-chếch ngả bóng về tây, đó là lúc thợ cấy nghỉ. Xưa, chưa có đồng-hồ thông-dụng, nên công việc đồng-áng, người ta chỉ lấy bóng mặt trời làm chứng: lúc mới mọc, thì bắt đầu đi làm; lúc tròn bóng thì nghỉ trưa; lúc tà tà gác núi thì về nghỉ hẳn. Đấy là theo chế-độ làm việc của cổ-giả: « Nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức ». (Lúc mặt trời mọc thì đi làm việc, lúc mặt trời lặn thì nghỉ).

Hai câu này là cái điều-kiện đặt giữa thợ cấy và bà chủ ruộng: Sáng ra, thợ cấy ăn cơm của chủ

ruộng xong, tức là mắc nợ người rồi. Vậy thợ cấy phải ra đồng cấy lúa, làm trọn công-việc một ngày, thế mới trả xong « nợ cơm » ba bữa.

— Sau một ngày bồ hôi nước mắt, làm đầy-đủ bổn phận, đến lúc chuông thu không, mặt trời gác núi, lẽ tất nhiên thợ cấy được nghỉ và có quyền đòi tiền công chủ ruộng nợ mình. Cho nên mới nói là « bà nợ tôi ».

***

Anh thì quần áo dong chơi,
Để em đi cấy, bồ hôi ướt đầm!

Đây là lời than-thở ra từ đáy lòng uất-ức của một chị thợ cấy trước cái hiện-tượng nam nữ bất bình đẳng!

Đáng lý ra, hai vợ chồng nhà nông ấy phải đồng lao, cộng tác, cùng nhau chia cay, xẻ ngọt trong công-cuộc làm ăn, mới mong đạt cái hi-vọng « tát biển Đông » được.

Đằng này không thế, riêng người vợ phải lo cày, cấy, đổi bát bồ hôi lấy bát cơm, một mình khó nhọc, vất vả! Còn đức anh chồng? Lúc nào cũng đóng quần rộng, áo dài, dong-chơi hết ngày này qua ngày khác, tay không phải lấm, chân không vấy bùn; một hạng người « tắm gửi » của gia-đình, của xã-hội!

Hai câu này thật là một bức tranh « mâu thuẫn mỉa mai » treo giữa một gia-đình làm ruộng!

***

Chẳng ai sướng bằng bà đi cấy:
Cơm ăn, tiền lấy, ...
Ngồi đình, ngồi chùa, quạt mo phe-phẩy...

Lệ mướn thợ cấy công-nhật: Một ngày ba bữa cơm hoặc hai bữa cơm và một bữa nước (khoai sọ, khoai lang, hoặc bánh khoai, bánh đúc chẳng hạn), ấy là chưa kể tiền công, khi rẻ, độ hơn hào, khi cao như bây giờ, phải đến sáu hào.

Đình là chỗ thờ Thành-hoàng. *Chùa* là nơi thờ Phật. Dân quê, làng nào cũng có đình và chùa.

Quạt mo là thứ quạt cắt mo cau mà làm ra, như hình cái bê của thợ nề. Nông-dân sống một đời cần-cù, tiết-kiệm và đơn-giản, dẫn đến cái quạt là vật rẻ tiền, bà thợ cấy kia cũng tự-phụng một cách rất kiệm-bạc, không dám bỏ tiền ra mua một chiếc quạt giấy hay quạt nan. Quạt mo, đối với hạng người mộc-mạc quê mùa, lẽ một vật quí vô giá! Nên chi thằng « Bần » có cái quạt mo, cứ khư khư cố giữ, không thèm đổi lấy « ba bò, chín trâu » hay « ao sâu cá mè » của phú-ông kia đó!

Mấy cậu trên tỏ ý ca-tụng nghề nông là « thần-thánh »; bà thợ cấy là « cái thân vật ngoại », sống ngoài vòng then khóa, hết sức tự tại, tự-do, không bị bó-buộc phiền lụy chi hết. Một khi công-việc đồng-áng đã xong, bà thợ cấy ung dung ngồi trước cửa đình, cửa chùa, đưa tay nhăn-nheo vì thường dầm bùn đồng, nước ruộng, phe-phẩy chiếc quạt mo, còn khoan khoái thảnh-thơi gì bằng nữa!

***

Cày đồng giữa buổi đang trưa,
Mồ-hôi thánh-thót như mưa ruộng cày!

Đó là tả cái cần-đảm và hăng-hái của nhà nông. Họ chỉ biết vòng pha phấu-đấu với thời tiết, với thiên-nhiên để làm hết phận-sự và nghĩa-vụ một người có ích trong đoàn-thể nhân-loại. Họ thật là hạng người quên hẳn mình, hi sinh hết thảy. Nắng; nhễ-nhại nước mắt, bồ hôi? Mặc! Nóng, bồ hôi đầm chảy như nước mưa sa xuống thửa ruộng đang cày? Cũng mặc! Họ làm, cứ làm và còn làm nữa.., Trước mặt một người nông phu đang tận tụy với nghề dưới vòm trời trong vắt không vần mây nắng chang-chang nóng như lửa đốt ấy, ai chẳng nên ngả nón sá dài?

***

Xin ai đừng bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất là vàng bấy nhiêu

Câu này giống nghĩa với câu chữ nho: « *Nhất thốn thổ, nhất thốn kim* » (một tấc đất, một tấc vàng).

Nông dân ta vốn có tính chăm chỉ làm lụng, không mấy khi để cho hòn đất « kịp giở mình », nên từ khi dân Lạc cày ruộng Lạc, từ thời-kỳ còn dùng lưỡi cày bằng đá đến ngày biết dùng lưỡi cày bằng sắt, họ, với hai bàn tay cần-lao, đã khai-khẩn được biết bao đồng hoang, ruộng cỏ. Rồi nhờ sức sinh sản của họ, mỗi một tấc đất trở nên hoa-lợi màu-mỡ, giá-trị bằng một tấc vàng.

Một khi đã lấy thân mình làm gương, họ rất có thể lớn tiếng mà khuyên những người xung quanh họ: « Anh muốn làm m)

(Xem tiếp trang 21)

Việt nam khoa học ngữ

Mang cái phương pháp ấy ứng dụng trong các khoa

Số 1

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

NHỮNG Đẳng cấp danh-từ của Hóa học thì phải lấy ở tiếng pháp, tiếng vạn quốc khoa học ra, rồi việt hóa chúng đi.

Ngoài những Đẳng cấp danh từ và những chữ Chuyên môn khác, nghĩa là những chỗ không cần phải có tiếng chuyên môn mà câu văn vẫn rõ ràng minh bạch thì tha hồ mà dịch, mà viết.

Những tiểu tiết riêng cho môn Hóa học chỉ có thế thôi. Nhưng bao nhiêu những tiểu tiết cũng không thể ra ngoài cái phương pháp lớn, là khi cần phải có chữ chuyên-môn thì phải tạo ra những chữ mới mà dùng. Dịch nghĩa những chữ chuyên-môn của người Âu như người Tàu, người Việt-nam thường làm là vô lối.

B) *Tỷ dụ về Hình học*

Về Hình học cũng vậy, không thể qua cái phương pháp kia được, là khi cần phải có chữ chuyên môn thì phải đặt ra những chữ mới tinh tạo mà dùng, chớ không thể dịch nghĩa được. Dịch *Triangle* là *Hình tam giác*, *Bissectrice* là *Đường phân giác*, *Hypothénuse* là *Đường huyền*, *Perpendiculaire* là *Đường thẳng góc*, thì dầu dịch đúng nghĩa mười mươi cũng không thể viết Hình học bằng tiếng nam cho rọn gàng rõ nghĩa được. Làm như vậy là thất sách, không đòi nào nên công. Chữ chuyên-môn là một loại chữ nhất định phải có, tiếng nước nào cũng vậy. Mà chữ chuyên môn thì không phải là những đoạn thường ngữ, không thể dùng những chữ đã sẵn có chắp nối lại mà thay vào được.

Hình học ngữ cũng phải chia ra làm hai loại chữ : Thường-ngữ tự và Chuyên-môn tự. Trong Chuyên môn tự lại phải để riêng những Đẳng cấp danh từ rá một mớ đặt cho có liên can thúc bá.

Đó là cái phương pháp chung cho cả Hình học, Hóa học, cùng các Khoa học khác.

Những tiểu tiết riêng cho Hình học là tùy theo những trường-hợp riêng khi nên dùng lối này, khi nên dùng lối kia để tạo ra những chữ chuyên - môn cho Hình học. Muốn tạo ra những Hình học chuyên môn tự không cần phải dùng lối Việt hóa tiếng âu, mà cũng không nên dùng lối ấy. Lấy ngay những căn-tự ở trong Việt nam thường ngữ, rồi một đoạn ba bốn chữ rút lại thành hai, hai chữ rút lại thành một bằng lối nói ríu hay lối nói lái

a) *Hình học đẳng cấp danh-từ.*

Các mục đề (objets) của môn Hình học thì có cái *chấm* (le point) rồi đến *đường* (les li nes) rồi đến *mặt* (surfaces) rồi đến *khối* (volumes), rồi đến gì gì nữa chưa biết ; nghĩa là Hình học lấy lý luận (la logique) suy nghĩ để biết cho tường tận những vật (objets-figures) hình không có chiều nào (cái *chấm*) những hình có một chiều (các thứ *đường*) những vật có hai chiều (các thứ *mặt*) những vật có ba chiều (các thứ *khối*) rồi đến những vật có bốn, năm, sáu... n+1 chiều, hiện lý-luận mình đoán là có thể được, có nhưng hiện các cơ-quan cảm giác của mình cùng khối óc của mình không cho mình hình dung nó ra được.

Xếp đặt các vật-học (objets d'étude) hay các mục-đề của Hình học như thế là có thứ-tự tinh tường chắc chắn rồi không thể chối cãi được. Chỉ có thể đi ngược trở lại từ *khối* đến *mặt*, đến *đường*, đến *chấm*. Nhưng bao giờ thì trong sự xếp đặt thứ tự, khối cũng phải đứng xắt với mặt. Xếp cách nào khác nữa cũng thành ra lộn-xộn cả. Các thứ-tự như thế là cái thứ-tự rất chặt chẽ rồi đó ; mà một môn khoa học nào xếp được các vật-học của nó theo cái thứ-tự bất di bất dịch như Hình học thì cái môn khoa học ấy đã đến chỗ phát đạt cực điểm rồi đó.

Cách xếp đặt các vật học của một môn phải có thứ tự, thì cách xưng hô các vật-học ấy cũng phải có thứ tự, nghĩa là phải đặt tên cho chúng làm sao để khi kêu lên nghe thấy rõ ràng có trật-tự ở trong.

Trong các Khoa-học, Hóa học, Hình học, Vật lý học, bất cứ môn nào, nếu người Pháp hay người

Âu có chỗ xưng-hô còn lộn-xộn chưa có thứ-tự thì mình đừng theo. Càng có thứ tự bao nhiêu càng khoa-học bấy nhiêu.

Tỷ-dụ các Đẳng cấp danh từ của Hình học phải đặt như thế này:

1°) Những hình không có nhiều nào, kêu là *chấm*.

Các thứ *chấm*:

Chỉ có một thôi, không có nhiều thứ được vì những *chấm* đã không có chiều nào cả thì không có hình khác nhau được.

2°) Những *hình* có một chiều kêu là *Đường*.

Các thứ *Đường*:

Có nhiều thứ, tùy theo cái dáng của chúng hay cái công dụng của chúng.

Sẽ dùng một bộ riêng đặt tên cho chúng để khi kêu lên biết ngay là tên *đường*.

Tỷ dụ: Xem bảng đối chiếu Pháp, Việt, Đẳng cấp danh từ dưới đây:

Tiếng pháp	Việt nam Thường ngữ	Việt nam Chuyên môn đặt ra bằng lối nói rút (contraction)
La droite	Đường thẳng	Đẳng
La courbe	Đường cong	Đong
La brisée	Đường gẫy	Đẫy
La perpendiculaire	Đường (đứng) sững	Đững
L'oblique	Đường ngả	Đả
L'horizontale	Đường nằm	Đằm
Le rayon	Đường (tâm) chĩa	Đĩa
Le diamètre	Đường xuyên (tâm)	Đuyên
Le côté	Đường cạnh	Đạnh
Le périmètre	1·) Đường xung quanh =	
	2·) Đường xuanh	Đuanh
La base	Đường nền	Đền
La hauteur	Đường cao	Đao
La médiane	Đường dữa	Đữa
La bissectrice	Đường chia (góc)	Đia
	Đường (chia) góc	Đóc
	Đường (chia) hai	Đai
La diagonale	Đường nôi (góc)	Đối

Về các *hình mặt*, và các *hình khối* cũng sẽ theo một lối như thế mà đặt tên.

Tất cả các thứ *mặt* sẽ họp thành một họ, nghĩa là tên của chúng sẽ cùng một bộ, cùng một vần, vần *M (mặt)* chẳng hạn.

Tất cả các *khối*, cũng vậy, sẽ là một họ, họ *Kh* chẳng hạn.

Một người Pháp theo những bản nang (les caractères) của các thứ tiếng âu-ấn (Langues indo-européennes) đặt ra được cả một thứ tiếng gọi là Espéranto, mong cho tất cả các nước dùng để cho tiện việc giao-thiệp lúc du-lịch, khi các nước Âu-châu mỗi nước đã có một thứ tiếng riêng để nói rồi; thì sao mình lại không đặt ra được cả một thứ tiếng riêng cho nền khoa học Việt-nam theo những bản nang của tiếng việt, khi mình còn chưa có đủ tiếng để dùng mà nói Khoa-học bằng tiếng mình?

Nếu mình không đặt ra được là tại mình lười biếng, ít ỏi Khoa-học, nhiều thói ỷ-nại, câu-nệ không biết nhìn nhận những sáng kiến bạo dạn dầu nó có ích cho nhân quần.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRỌNG THUYẾN

« HƯ'O'NG... ...XA »

nếm với một lo hãi vô cùng, cái thân-mật êm dịu và tươi tắn kia, cái ấm-cúng gia-đình, mà hồi thơ ấu chàng cũng hưởng qua trong những buổi tối bình tĩnh rất hiếm hoi, khi mẹ chàng, khi mẹ của chàng .. như người mẹ kia!... Và chàng khóc!» Mỗi tối, chàng cứ đứng trong bóng tối say sưa với cái thú nhìn trộm sang nhà bên kia như thế. Một hôm mẹ con bà chủ trọ khám phá ra hành-vi kín đáo của chàng. Câu chuyện rồi đến tai người đàn bà làm mẹ và làm vợ ở nhà bên kia. Chàng áy náy lo ngại, kể từ đây, mỗi tối cánh cửa nhà bên kia sẽ khép lại, không để cho ánh sáng chiếu sang phòng mình nữa.

« Nhưng không xảy ra thế đâu; mà chính ngày hôm sau, khi ánh đèn trước cửa tắt đi rồi, chàng đứng chìm trong tối đợi gia-đình nhỏ kia đi ngủ, để rón rén ra mở cửa thở lấy một chút khí trời, chàng thấy cửa sổ nhà bên kia cũng mở. Và không bao lâu chàng thấy — chàng phát sợ đến gần kinh khủng — chàng thấy thiếu-phụ. Có lẽ nàng tò mò vì lời nói của hai mẹ con nhà Nini (hai mẹ con bà chủ nhà trọ)... Cái giấc mộng về hòa lạc; về ái tình, cái giấc mộng về sự thân-mật êm dịu và thiết-tha chàng tưởng rằng gia-đình kia đương hưởng, mà chàng như được hưởng chút thơm lây, cái giấc mộng ấy sẽ tan tành, nếu người đàn bà trong đêm tối trốn ra cửa sổ chỉ vì một người lạ!... Mà người lạ đó có phải chính chàng ru?... Đến thật khuya chàng khép cửa, chàng tin rằng tối hôm sau, đèn tắt, nàng sẽ lại đứng cho mình nhìn; và sự đã quả nhiên...»

Từ đó trong căn phòng bé nhỏ của chàng, chàng « *Không đợi ánh đèn nhà trước cửa nữa, chàng sốt ruột trông mong cho nó tắt phut đi* ».

...ngồi ở bàn, mà chúng có biết gì đâu!...»

Truyện thật là cảm động, đủ cả tình tiết: tiếng gọi của yêu đương rồ dại, lòng mẹ yêu con sôi nổi ở một người đàn bà tội lỗi lừa chồng, làm nhục con, sự hối-hận của một chàng thanh niên, thiếu tình mẫu tử, muốn tìm quên lãng trong ái tình, nhưng vì đó lại làm mất cảnh vui tươi của một gia đình khác... Bao nhiêu tình cảm khổ đau của nhân loại, Pirandello chỉ dùng có mỗi « một ánh đèn » mà soi sáng được tất cả. Ngòi bút dịch của Huyền Hà cũng đã đạt được những tình tiết mà Pirandello muốn phô diễn.

KIỀU THANH QUẾ

SÂM THƯƠNG là hai sao nào?

VIỆT-LAN

Trong văn chương ta, thường dùng hai chữ *Sâm Thương* để chỉ cảnh chia-ly, không bao giờ gặp nhau được. Truyện Kiều có câu: « *Sâm, Thương chẳng vẹn chữ tòng* ».

Có tánh tọc-mạch của kẻ hiếu-học, tôi muốn biết hai vì sao ấy.

Giở bộ « *Tầm nguyên từ điển* » do Quốc-học thư-xã phát hành gần đây, thấy ông Lê van Hoè cắt nghĩa « Sâm Thương là sao hôm và sao mai ».

Khác hơn trên, ông Nguyễn đỗ Mục, trong bản *Chinh phụ ngâm dẫn giải* (Tân dân thư quán) trang 69 viết: « Sao Thương ở phương Đông, thuộc về mão vị, Sao Sâm ở phương tây thuộc về thân-vị; một ngôi hiện ra thì một ngôi lại lặn đi, vĩnh-viễn không bao giờ trông thấy nhau ». Tuy không chỉ rõ hai ngôi sao ra, nhưng lời Nguyễn tiên-sanh đúng. Còn thuyết sao hôm, sao mai của ông Lê van Hoè thì sai bẩn.

Sao hôm, Sao mai chỉ là một, thường gọi là Kim tinh, tiếng pháp là Étoile du Berger, Vesper hay Vénus. Là một vì-hành-tinh (planète) Sao hôm, Sao mai không thể liệt vào hàng nhị thập bát tú. Đã thuộc Nhị thập bát tú, Sâm Thương phải là hai tinh-tòa (tú) có chỗ nhất định. Như thế Sâm Thương quyết không phải là Sao hôm Sao mai.

Vậy Sâm Thương là hai Sao nào?

Mở bộ *Hoa Pháp từ điển*, của ông Couvreur (Dictionnaire Chinois Français — Édition He-Kien-Fou Hong Kong — 1911) về hai chữ Sâm Thương thấy chua 參 商 Orion et Scorpion.

Theo sách Thiên-văn pháp thì tinh-tòa (constellation) Orion ta quen gọi Sao Cày. Nó gồm 4 ngôi sao sắp thành hình 4 góc không đồng (quadrilatère) ở giữa, ngay hàng nhau, 3 ngôi sao sáng tỏ màu trắng xanh, phía trên một dãy ngôi sao sắp hình cong, trông qua như lưỡi cày ta (xem bản đồ thứ nhất).

Nhưng sao Sâm của ta chỉ riêng có 3 ngôi sao giữa X, B, D của tòa Orion.

Còn Scorpion (con bò cạp) gồm trên 4 ngôi sao, xè ra, ngang đầu một ngôi tỏ rạng màu đỏ (Antarès) dưới là một hàng sao xếp thành hình như mình và đuôi bò-cạp (xem bản đồ thứ hai).

Sao Thương hay Sao Đại hỏa, cũng gọi là Sao Tâm, thì chỉ là ngôi Antarès, màu sáng đỏ và 2 ngôi nhỏ hai bên của tinh-tòa Scorpion.

Ở xứ ta, Sao Sâm chỉ thấy về đêm vào khoảng 15 Décembre (tây-lịch) tới 15 Juin (xem bản đồ số 1 có ghi vị trí của Sao Sâm trên bầu trời từ 15 Décembre tới 15 Juin, khoảng 6 giờ chiều 18 h.).

Sao Thương thì thấy về đêm vào khoảng 15 Juin tới 15 Novembre (xem bản đồ số 2 có ghi vị trí của sao Thương trên bầu trời từ 15 Juin tới 15 Novembre, khoảng 6 giờ chiều).

(Xem tiếp trang 21)

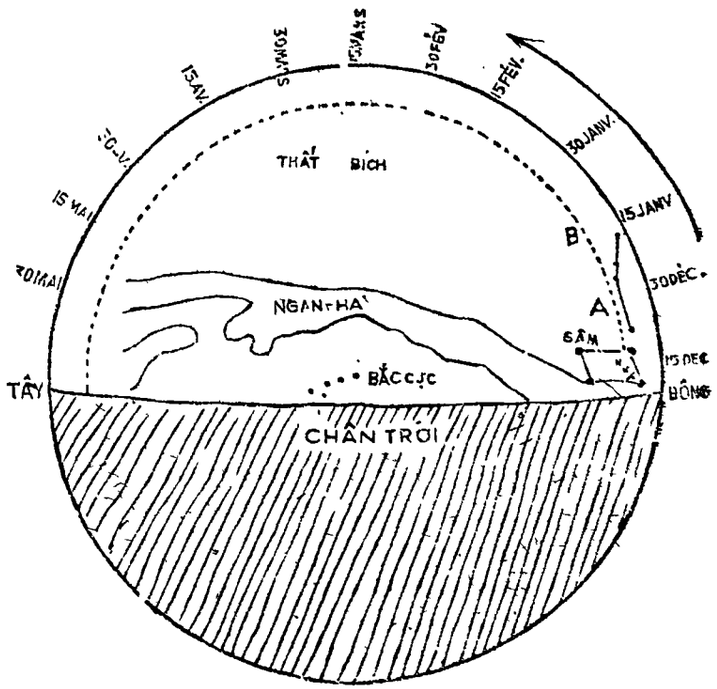

(Hình số 1)

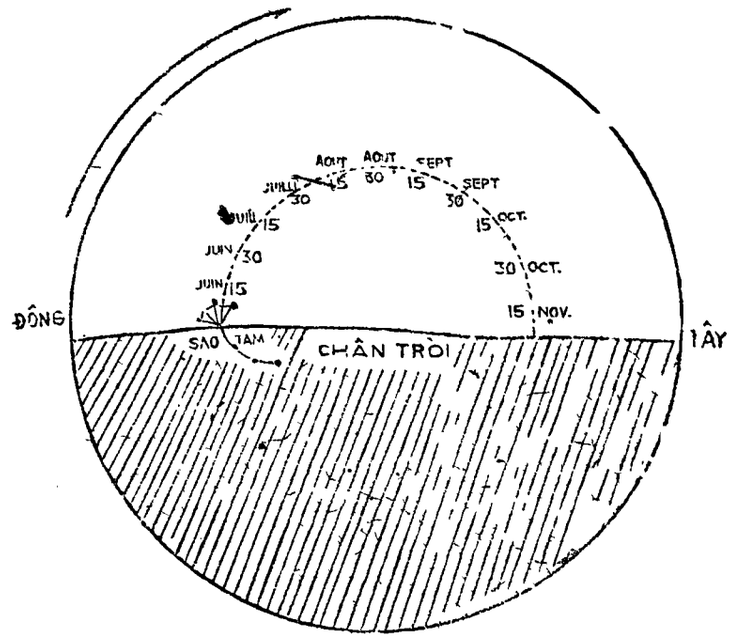

(Hình số 2)

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 62

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

6. — Nguyễn-bảo - Khuê, người làng Lí-hải, huyện Yên-lãng, Phủ Tam-đái, trấn Sơn-tây. Năm 32 tuổi, đỗ đệ-nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân khoa đinh-mùi, hiệu Hồng-đức thứ 18 (1487) đời vua Lê Thánh-tông. Mùa đông năm ất-mão (1495) làm quan đến chức Hàn - lâm hiệu - lí, được dự vào 28 ngôi sao trong Tao-đàn. Trong khoảng niên hiệu Cảnh-thống (1489-1504) làm quan đến chức Lễ-bộ hữu-thị-lang. Phụng mệnh chức chánh-sứ sang nhà Minh cầu phong ; khi đi sứ về, được thăng chức Hình-bộ tả thị-lang, kiêm chức đô-đinh-úy (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn - tây, tờ 43 b ; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a). Về việc đi sứ sang nhà Minh, bộ *Khâm - định Việt-sử thông-giám cương mục* (quyển 25, tờ 17 a) chép như sau này : « Khi vua Lê Túc-tông lên ngôi (mồng 6 tháng 6 năm 1504), sai quan Lại bộ tả-thị-lang là Đặng - Tán, Hàn-lâm-viện kiểm thảo là Khuất-quyền-Cửu, Hộ-khoa đô cấp-sự-trung là Lưu-quang Phụ, sang sứ về việc tuế cống. Binh-bộ hữu-thị lang là Nguyễn - Lân và giám-sát ngự sử là Nguyễn- Đình-Nghiêm sang bảo tin vua Lê Hiến-tông (1497 - 1504) thăng bà Lễ - bộ hữu-thị lang là Nguyễn-bảo-Khuê, Đông-các hiệu - thư là Trần - bá-Lương, và hiệu - lí là Vũ - Châu, sang cầu phong. Chưa kịp qua cửa ải thì đến mồng tám tháng chạp năm 1504 vua Lê Túc-tông thăng hà) lại đổi làm tờ biểu khác, sai bọn ông Nguyễn - bảo-Khuê đi sứ. »

7. — Ngô - Hoan, người làng Nghiêm-xá, huyện Thượng - phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn - nam. nam 36 tuổi, đỗ nhị- giáp tiến-sĩ khoa đinh - mùi 1487. Bắt đầu làm quan Hàn-lâm hiệu-lí. Được dự vào 28 ngôi trong Tao-đàn. Phụng mệnh sung chức phó-sứ. Làm quan đến đô-ngự-sử. Con là Ngô-Ước và Ngô-Huyền đều đỗ tiến-sĩ khoa bính-tuất 1526 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 22 a. *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a). Bộ *Toàn Việt thi lục* (bản sao của Trường Bác-cổ, số A 1262, quyển 14-16) có chép sáu bài thơ cận-thể của ông Ngô-Hoan, đều là bài phụng họa ngự chế, đề là *Quân - đạo* (đạo làm vua), *Thần-tiết* (tiết làm tôi), *Giao tưởng anh hiền* (Xa nhớ người hiền tài), *Kỳ khí* (khí lạ), *Văn nhân* (kẻ văn-nhân), *Mai-hoa* (hoa mai).

8. — Nguyễn-cần-Liêm, người làng Đại-đồng, huyện Siêu-loại, phủ Thuận - an, trấn Kinh - bắc. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức tả-thị lang (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a). *Đăng khoa bị khảo* (quyển Kinh-bắc, tờ 103 b) chép làm quan đến hữu-thị-lang.

9. — Vũ-Trật (*Đăng khoa lục* chép là Vũ - Ương), người làng Lỗ-hiền, huyện Lôi-dương, phủ Thiệu-hóa, trấn Thanh-hóa. Năm 25 tuổi đỗ nhị-giáp tiến - sĩ khoa đinh mùi 1487. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, quyển 2, tờ 33 b). *Đăng khoa bị khảo* (quyển Thanh hóa, tờ 19b chép làm quan đến hiểu giám-sát.

10. — Vũ-triệt - Vũ, người làng Đào-lãng, huyện Đại-an, phủ Kiến-hưng, trấn Sơn - nam. Năm 28 tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến Hình-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a). *Đăng khoa bị khảo* (quyển Sơn-nam tờ 97 b) chép ông đỗ năm 47 tuổi.

11. — Phạm-Viện (bia Văn miếu khắc là Phạm-Viện ; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 33 a, và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 10 a, chép là Nguyễn - Viện), người huyện Vũ - tiên, phủ Kiến-xương, đỗ nhị - giáp tiến-sĩ khoa đinh - mùi 1487. Làm quan đến chức tham-chính.

12. — Trịnh-Qui (bia Văn-miếu và *Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 33 a, chép là Trịnh-Qui ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 22 a, viết là Đặng-Qui), người làng Tử - dương, huyện Thượng-phúc, phủ Thường - tín. Năm 28 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Mùa đông năm nhâm-tí 1492 phụng mệnh sung chức phó-sứ bộ-cống (phái - bộ cống - hiến bên Tàu). Năm kỷ - mùi 1499 phụng mệnh tiếp sứ sách phong (sứ Tàu đem sắc phong vua ta). Làm quan đến Lại-bộ thượng-thư.

13. — Nguyễn - ứng - Triệu, người làng Xuân-niêu, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức thừa-chính-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 a).

14. — Phạm-Tuấn, người làng Đồn-bối, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Năm 35 tuổi, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức tri-phủ (*Đăng khoa lục* quyển 1, tờ 33 a). *Đăng khoa bị khảo* (quyển Hải-dương, tờ 58 b) chép rằng « có chỗ nói ông làm quan đến chức hữu-thị-lang ».

15. — Vũ-Loan, người làng Tuy-lai, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức Đông-các đại học-sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 13 a).

16. — Nguyễn-Lệ, người làng Bình-hồ, huyện Đông-an, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Vào tên sổ bộ làng Thổ-hoàng, huyện Thiên-thi, đỗ nhị-giáp năm 1487. Làm quan đến chức tả-thị-lang. Là chú ông Nguyễn-Thủ, cùng đỗ một khoa, (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 34 a, 35 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 60 b-61 a).

17. — Nguyễn-lí Uyên, người làng Cổ-điển, huyện Thanh-đàm, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Năm 25 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức Hàn-lâm-viện hiệu-lí (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 5 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 34 a).

18. — Nguyễn-thừa-Phủ (*Đăng khoa lục* và *Đăng khoa bị khảo* chép là Phất), người làng An-nội, huyện Ninh-sơn, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Năm 25 tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 36 b).

19. — Ngô-Ngọc, người làng Vọng-nguyệt, huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm 33 tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức Lễ-khoa đô-cấp-sự-trung. Là cha Ngô-Hải đỗ năm 1508, ông nội Ngô-Trừng, đỗ năm 1580, tằng-tổ Ngô-nhân-Triệt, đỗ năm 1607, cao-tổ Ngô-nhân-Tuấn, đỗ năm 1640: năm đời cùng nối nhau đỗ đại-khoa, thực xưa nay chưa từng có (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 34 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 56 a).

20. — Bùi-Phổ, người làng Lê-xá, huyện Nghi-dương, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Năm 25 tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Mùa đông năm ất-mão 1495 làm quan Hàn-lâm-viện hiệu-lí. Dự 28 ngôi sao trong Tao-đàn (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 34 a. *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 86 a). Có năm bài thơ cận-thể đề là *Bách cốc phong đăng* (Trăm thứ thóc được mùa) *Giao tưởng anh-hiền* (xa nhớ người hiền-tài), *Mai hoa* (Hoa mai), *Văn Quang-thục Thái hậu* (Viếng bà Quang-thục Thái hậu), *Văn Thánh-tông Thuần hoàng đế* (Viếng vua Thánh-tông Thuần hoàng-đế), còn chép trong *Toàn Việt thi-lục*, quyển 14-16

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN TỐ

Bổ chính

Trong bài: « Dịch phẩm Chinh phụ ngâm phải chăng của Bà Đoàn thị Điểm » xin chua thêm ở trang 3 dòng 27: do thư xã Alexandre de Rhodes xuất bản, nhà in Ideo Hanoi in)

NHÀ XUẤT BẢN

HAO - QUANG

Trụ sở 62 Bonard Saigon

Giám đốc: ĐỖ NGỌC QUAN

15 Octobre 1943 sẽ phát hành

NHA NHO

tiểu thuyết của CHU THIÊN

Một thế hệ!
Một nhân vật!
và cả một linh hồn!

Giá: 4$50

Tổng phát hành

HÀN THUYÊN
71 Tiên tsin Hanoi

Các bực khoa-bảng

huyện Thọ-xương và huyện Vĩnh-thuận (1)

Biệt-Lam TRẦN HUY BÁ

1) **Nguyễn-quang-Lộc**, 49 tuổi, người phường Đông-các, đỗ tam-giáp tiến-sĩ thứ nhì khoa bính-tuất Quang-thuận thứ 7 (1466) quan đến tự khanh.

2) **Nguyễn-sùng-Nghê**, 48 tuổi, người Kim-cổ, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ thứ 28, khoa ất mùi đời Lê Hồng-đức thứ 6 (1475).

3) **Nguyễn Thái**, 46 tuổi, người Tự-tháp, đỗ đồng-tiến sĩ, khoa tân sửu năm Hồng-đức thứ 12 (1481) quan đến chức đoán-sự.

4) **Nguyễn-ích-Linh** hoặc **Ngấu** 18 tuổi, người... (?), đỗ nhị-giáp tiến-sĩ thứ 28, khoa đinh-mùi, năm Hồng-đức thứ 18 (1487), quan đến Hàn lâm.

5) **Trình-chí-Sâm** đỗ nhị-giáp tiến-sĩ thứ 29, khoa đinh-mùi, năm Hồng-đức thứ 18 (1487), quan đến Công bộ thượng thư.

6) **Bùi-Nguyên**, 32 tuổi, người Đông-tác, đỗ nhất-giáp tiến-sĩ thứ nhì, khoa ất sửu, đời Đoan-khánh thứ một (1505), quan đến chức thượng-thư.

7) **Đỗ-Tùng**, 22 tuổi, người Xã-đàn, đỗ nhị-giáp tiến sĩ thứ 15 khoa ất-sửu, đời Đoan-khánh thứ một, (1505).

8) **Nguyễn-hanh-Gia**, người Đông-các, đỗ tam-giáp tiến-sĩ thứ 17, khoa giáp-tuất, đời Hồng-thuận thứ 6 (1514), quan đến Hàn-lâm kiểm thảo.

9) **Nguyễn-Súc**, người Bảo thiên, đỗ tam giáp tiến-sĩ thứ nhất, khoa quý-mùi, đời Thống-nguyên thứ hai (1523), sung chức Tán lễ.

10) **Dương-duy-Nhất**, 38 tuổi, người Vĩnh-hanh, đỗ tam-giáp tiến-sĩ thứ 15, khoa mậu-tuất, đời Mạc Đại chính thứ chín, (1538) quan tả thị-lang, Vĩnh khê hầu, tặng Lễ bộ thượng-thư, Vĩnh quận công.

11) **Đàm-Khuyến** người Vĩnh thái, đỗ tam-giáp đồng tiến-sĩ thứ 10, khoa giáp-thìn, đời Mạc Quảng-hòa thứ tư (1544), quan đến hiến-sát-sứ.

12) **Nguyễn-thế-Ninh**, người Cổ-vũ, đỗ tam-giáp đồng tiến-sĩ thứ 13, khoa quý-sửu, đời Mạc Cảnh-lịch thứ 6 (1553).

13) **Nguyễn-chí-Đốc**, người Phúc-tô, (Khúc phố) đỗ tam giáp đồng tiến-sĩ thứ 6, khoa kỷ-mùi, đời Chính-trị thứ 2 (1559) quan Thừa chính sứ.

14) **Nguyễn-đức-Nhuận**, 44 tuổi người khúc-phố, đỗ Nhị giáp tiến sĩ thứ 3, khoa ất-sửu, đời Chính-trị thứ 8 (1565), quan Quốc-tử giám tư-nghiệp, là anh ông Nguyễn-chí-Đốc.

15) **Ngô-Tạo** 40 tuổi, người Xã-đàn, đỗ tam giáp tiến-sĩ thứ 6 khoa tân-mùi, đời Chính-trị thứ 14 (1571), quan đến Hộ-bộ tả thị-lang. Nhà Mạc mất, lại theo nhà Lê, được thiên Lễ bộ tả thị-lang Hòa lễ bá, đứng giám-khảo khoa Hội-thi năm Mậu tuất, 70 tuổi mất, tặng Thượng-thư.

16) **Lê-kim-Quế**, 31 tuổi, người Thái-cực, đỗ tam-giáp tiến-sĩ thứ tư, khoa canh-thìn, đời Mạc Duyên-thành thứ 3 (1580), quan đến giám-sát ngự-sử, là anh ông Lê-kim-Bảng.

17) **Nguyễn-Nhã**, 27 tuổi, người Cổ-vũ, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ, khoa bính-tuất đời Quang-hưng thứ 9 (1586), quan đến chức Tham-chính.

18) **Đàm-Công**, người Vĩnh thái, đỗ tam-giáp tiến sĩ thứ nhất, khoa bính-tuất đời Quang-hưng thứ 9 (1586), quan đến cấp-sự trung.

19) **Nguyễn-Dụng**, 38 tuổi, người Cổ-vũ, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ thứ ba, khoa nhâm-thìn, đời Mạc Hồng-ninh thứ hai (1592), quan đến Binh-bộ tả thị-lang, phong Bá-tước.

20) **Lê-kim-Bảng**, 41 tuổi, người Thái-cực, đỗ tam-giáp tiến-sĩ thứ hai, khoa nhâm-thìn, đời Mạc Hồng-ninh, thứ hai (1592). quan đến giám-sát ngự-sử, là em ông Lê-kim-Quế.

21) **Trần-Vĩ**, 41 tuổi, người Kim-hoa, đỗ tam-giáp tiến-sĩ thứ năm, khoa giáp-thìn, đời Hoằng-định thứ 5 (1604), quan Đông các đại học-sĩ, Hương quận-công, tặng thiếu-bảo, thượng-thư. Đời Vĩnh-tộ, năm bính dần (1626), có phụng-sứ sang nhà Minh, làm quan rất có liêm-tiết.

22) **Nguyễn-khắc-Văn**, 62 tuổi, người Hà-khẩu, đỗ tam giáp tiến-sĩ thứ sáu, khoa mậu-thìn, đời Vĩnh-tộ thứ mười, (1628), quan đến Lễ bộ hữu thị lang.

23) **Nguyễn-khắc-Thiệu**, 33 tuổi người Hà-khẩu, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ thứ nhất, khoa quý-mùi,

năm Phúc-thái thứ nhất (1643), quan Đại-lý tự khanh, sung phó-đô ngự-sử, thăng Lễ bộ thượng-thư, đặc-tứ. Dương quận công, thụy là Trung-túc. Nhà làm sử xưng ông là người mộc-mạc ngay thẳng, làm quan rất thanh-bạch. Ông là con ông Nguyễn-khắc-Văn.

24) **Nguyễn-hữu-Đăng**, 37 tuổi, người Đông-các, đỗ tam-giáp tiến-sĩ thứ hai, khoa đinh-mùi, đời Cảnh-trị thứ năm (1667), quan đến đề-hình, giám-sát ngự-sử, sung Nghệ-an tham-chính.

25) **Vũ-Thạnh**, 22 tuổi, người Báo-thiên, đỗ đình-nguyên, nhất-giáp tiến-sĩ thứ nhất, khoa ất-sửu, đời Chính-hòa thứ-sáu (1685), quan hồng-lô tự-khanh, quyền thiêm-đô ngự-sử, phụng sai làm giáo-thụ dạy võ. Khi mất tặng chức tham-chính. Ông tính thanh giản, khoan-hòa, khéo dạy người sau, nên học trò của ông nhiều người đỗ đạt, nức tiếng một thời. Ông là anh ông Vũ-Huyên.

26) **Nguyễn-Trù**, 30 tuổi, người Đông-tác, đỗ nhị-giáp tiến-sĩ thứ hai, khoa đinh-sửu, đời Chính-hòa thứ 18 (1697), quan trấn thủ Cao-bằng, Hình bộ hữu thị-lang, kiêm Quốc tử giám tư-nghiệp, tặng Công-bộ tả thị-lang, Xương-phái hầu, tên thụy là Nhã-đạt. Ông học vấn yêm-bác, được tiếng là bực tôn-sư đời bấy giờ, có soạn được bộ *Đề-cương. Quần hiền phú* và *Truyền-kỳ-lục* để lại đời sau.

27) **Vũ-Huyên**, 43 tuổi, người Báo-thiên, đỗ tam-giáp tiến-sĩ thứ 13, khoa mậu-thìn, đời Vĩnh-thịnh thứ 8, (1712) quan đến Đông-các hiệu-thư, quyền hiến-sát sứ. Ông là em ông Vũ-Thạnh và là chú ông Vũ-Huy.

28) **Vũ-Huy**, 27 tuổi, người Báo-thiên, giải nguyên trường Hương, rồi đỗ tam giáp tiến-sĩ thứ 16, đồng khoa với ông Vũ-Huyên, quan Hình-bộ tả thị lang, phụng-mạng đi sứ, mất ở giữa đường, được tặng Hình-bộ tả thị-lang. Ông là con ông Vũ Thạnh và là cháu ông Vũ-Huyên. Nhà ông, cha, con, chú, cháu đều đỗ đồng-khoa, nên một ông Thám-hoa là bạn ông có mừng một câu đối rằng: « *Đồng thế đồng triều tam tiến-sĩ; nhất gia nhất nhật, lưỡng vinh-quy.* »

29) **Trần-đình-Thu**, 30 tuổi, người Báo-thiên, thi Hương đỗ giải nguyên đến khoa tân sửu đời Bảo thái thứ hai, (1721) đỗ tam giáp tiến sĩ thứ 12, quan đến tự-khanh, tặng tham-chính.

30) **Vũ-trần-Tự**, 24 tuổi, người Thái-lạc, đỗ tam-giáp tiến sĩ thứ nhất, khoa kỷ-mùi, đời Vĩnh-hựu thứ năm (1739). Năm Cảnh-hưng mậu-thìn (1748), phụng mệnh làm phó-sứ sang nhà Thanh, quan đến Lại-bộ tả thị-lang, tước Thái đình bá. Đến năm đinh dậu (1777) lại làm chánh sứ đi cống, đến giữa đường thì mất, được tặng Công-bộ thượng-thư.

31) **Nguyễn Luân**, 40 tuổi, người Báo-thiên, đỗ tam-giáp tiến-sĩ thứ sáu, cùng khoa với ông Vũ-trần-Tự, quan đến Hàn-lâm thị-chế.

32) **Nguyễn-đình-Trữ** 42 tuổi, người Đồng-lạc, đỗ tam-giáp tiến sĩ thứ sáu, khoa giáp-tuất, đời Cảnh-hưng thứ 15 (1754), quan đến Đông-các học-sĩ, thự Hải dương tham chính, 62 tuổi, mất tại chức, tặng Công bộ hữu thị lang.

33) **Phạm-dương-Ưng**, người Phục cổ, 27 tuổi, đỗ giải-nguyên, sau đỗ tam giáp tiến-sĩ thứ tư, khoa quý-mùi, đời Cảnh-hưng thứ 24 (1763), quan đến Đông-các học-sĩ, chức đốc-thị Thuận-Quảng.

34) **Đào-vũ-Hương**, 30 tuổi, người Thái cực, đỗ tam-giáp đồng tiến-sĩ khoa nhâm-thìn, đời Cảnh-hưng thứ 33, (1772), quan Hàn-lâm viện hiệu-thảo, đốc-đồng trấn Sơn-nam.

35) **Vũ-huy-Đạm**, 26 tuổi, người Báo-thiên, đỗ tam giáp đồng tiến-sĩ cùng khoa với ông Đào vũ-Hương, quan đến Hàn lâm thị-chế, thự Sơn-nam hiến-sát sứ.

36) **Phạm-quý-Thích**, 20 tuổi, người Báo-thiên, đỗ tam giáp đồng tiến sĩ thịnh-khoa năm kỷ-hợi, đời cảnh-hưng thứ 40 (1779), quan Hàn-lâm hiệu-thảo trí công-phiên Kinh-bắc đốc-đồng. Sau khi nhà Lê mất 18 năm, đến bảy-triều, đức Gia-long cho ông là người có thanh-tiết, bèn trao cho chức thị trung học-sĩ, làm đốc học phủ Hoài-đức. Rồi ông cáo bệnh về nhà dạy học, đến năm Minh-mạng thứ hai (1821). Vua lại vời ông vào kinh thụ chức. Đi đến trấn Sơn nam, giữa đường ông bị bệnh mất, thọ 66 tuổi, có ra đời cuốn *Lập trai thi tập*.

(Còn nữa)

Biệt Lam TRẦN HUY BÁ

Xin xem lại bài « Huyện Thọ-xương với thành phố Hà-nội » đăng T.-T. số 108.

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p·00 một vé

Bài được giải khuyến-khích trong cuộc thi « Lịch-sử ký sự » do Tri-Tân tổ chức

HAI BÀ BUI-THIẾU-XUÂN và Lê Ái-Lương

Số 2

TRỊNH-NHƯ-CHẤT

Tuy vậy, hồn quê lai láng, mỗi khi trông thấy thân-mẫu tuổi hạc càng cao, Diệu càng nóng ruột, muốn tìm cách thoát ly ra khỏi rừng sâu. Vả tự biết giúp kẻ cường khấu sẽ muôn nam ô danh bại tiết, nên không thể lưu lại với Khúc Quyền lâu được.

Một hôm về mùa xuân, nhân Khúc Quyền đặt tiệc vui chơi, Quang-Diệu, trong khi uống rượu, dàng kế : « Đồn kỳ thành lộng bảo sâu, quan quân ỷ thế, cho nên vẫn chưa phòng thủ. Nếu ta chiếm được đồn này thực là một cơ hội để mở mang quân sự về sau. Binh quý thần tốc, cần nên cử sự ngay đêm nay : một toán pháo-binh phục quanh thành, còn một toán kỵ-binh cho cướp làng bên, quân trong thành ra cứu, thừa lúc thành vắng, quân ta ở chúng quanh kéo vào chiếm động dễ như trở bàn tay ».

Khúc-Quyền nghe nhời, bèn sửa soạn quân nhu chiến mã khởi công, chỉ để lại mấy tên quân canh gác. Quân canh đều uống rượu quá chén, nên ngủ say lúc nào không biết. Mẹ con Quang-Diệu thừa cơ lẩn trốn. Quanh-co chưa ra khỏi rừng sâu, mặt trang đã lấp ló chân trời, lại gặp lúc quân sĩ kéo về, nên hai mẹ con phải tạm lánh vào trong bụi rậm, ngậm hơi nín tiếng cho đến lúc quân sĩ đã qua. Thấy mẹ áo tàn, thịt rách, máu rơi, Quang-Diệu càng xúc cảm, khôn cầm giọt lệ.

Đường quanh-co gai góc, mặt trời đã lên cao, hai mẹ con vẫn bơ vơ giữa rừng, đã không biết lối ra, lại còn gặp sông nước chắn ngang đường. Bỗng thấy một con thuyền xa đương thuận giòng xuôi, Quang-Diệu cất tiếng gọi lại. Thuyền quay lái tới nơi. Một bà phong nhã, da băng, tóc điểm sương, hỏi rõ đầu đuôi, tỏ lòng ngậm ngùi thương xót, vui vẻ sai giọn một khoang thuyền cho mẹ con Quang-Diệu đi nhờ.

Nguyên bà này dòng dõi danh môn, vợ một vị quan to triều Lê, nhà phúc-hậu trai gái đông-đúc, ngày tháng chỉ cùng ái-nữ là Ái-Lương tiêu-dao nơi chùa, miếu, đền, đài.

Ái-Lương tuổi xuân đương độ trang tròn, hoa đào tươi vẻ, vẫn còn khép cửa mong sánh anh-hùng. Khi ấy, Ái-Lương ngồi ở khoang trong, nghe thấy tiếng người, bèn hé rèm trộm liếc : Thấy người tuấn-tú, riêng những kính yêu, ước mong được trao chỉ thắm.

Sáng hôm sau, thuyền cắm bến Quang-Diệu và thân-mẫu theo gót Lê phu-nhân lên lầu, ngắm trông trước sau mấy tòa đài các, thực là một nhà đại-gia quý-phái. Hai mẹ con tạm lưu tại đó ít lâu, chờ ngày trở về cố-lý.

Được vài tháng, thấy Quang-Diệu là một trang nam tử thông minh tuấn-nhã, tài đức gồm hai, phu-nhân đem lòng thương mến, bèn gả Ái-Lương cho làm thứ-thất sau khi biết Diệu đã có ước nguyện với Thiếu-Xuân xưa.

Từ đấy, Diệu lại theo nghiệp sách đèn như xưa, sớm trưa học tập, càng thêm gắng sức.

Vừa được một năm, Triều đình mở khoa thi cầu hiền. Quang-Diệu ứng thi, đỗ thủ-khoa, vinh-quy cờ biển rợp đường.

Đại đăng khoa đến tiểu-đăng khoa, Quang-Diệu cùng Ái-Lương hải duyên Tấn Tần, vui hội rồng mây lỏan phượng.

Mấy hôm sau, vợ chồng Quang Diệu thu xếp hồi hương.

Một thuyền theo dải trường-giang, hai bên phong-cảnh hữu-tình dưới sông làn nước mênh-mông, văng-vẳng xa đưa mấy hồi chuông chùa trong vùng tịch-mịch.

Hỏi ra mới biết là chùa Lâm-hương, một ngôi cổ tự phong cảnh thanh-u, bèn không bỏ lỡ dịp, rủ nhau lên vãn cảnh.

Vừa bước tới nơi, nhác thấy ở mái tây hiên một tiểu nữ, da trắng như tuyết, đẹp tựa tiên nga. Quang-Diệu chợt nhớ đến hình ảnh Thiếu-Xuân, bèn hỏi nhà sư Vân-Hải để biết rõ căn nguyên tiểu nữ. Sư thấy hỏi cũng phải ngạc nhiên, vì vị tiểu-nữ lại chính là Thiếu-Xuân, mà sư Vân-Hải đã từng biết rõ thân-thế.

Sư khuyên Thiếu-Xuân nên kíp thu xếp rời khỏi thuyền-môn để vầy duyên cá nước với khách tri-kỷ.

Thiếu-Xuân rất cảm động, ngổn ngang chuyện cũ duyên xưa, khôn nói nên nhời.

Thấy sư-mẫu an-ủi hồi lâu, Thiếu-Xuân mới tạ sư Vân-Hải rồi theo Quang-Diệu ra về.

Thiếu-Xuân và Ái-Lương, coi nhau như chị em, vào ra thân-ái, trên dưới thuận-hòa, một nhà đầy hạnh-phúc.

Từ đó, ba vợ chồng, trên bước đường đi, cùng nhau đồng tâm đồng chí, sau làm nên sự-nghiệp oanh-oanh liệt liệt, lừng lẫy một thời.

Kịp khi Tây-sơn khởi-sự Trần-quang-Diệu được vời làm tướng. Thiếu-Xuân mộ quân giúp chồng, làm được nhiều công việc hiển hách.

Năm Giáp dần (1794) Trần-quang-Diệu vào vây thành Diên khánh. Chúa Nguyễn-Ánh đem đại-binh đánh giải vây.

Năm sau (1795) Quang-Diệu lại đem quân vào đánh Diên-khánh. Võ-Tính hết sức chống giữ, nên đánh không được, phải rút quân về Phú-xuân.

Nguyễn-Văn-Thành và Đặng-trần-Thường tức Đặng-Quỳ được cử giữ thành Diên-khánh.

Tháng nam năm Kỷ-vị (1799) Nguyễn-Vương đến vây thành Quy-nhơn. Ở Phú-Xuân, Tây-sơn sai Trần-quang-Diệu và Vũ-văn-Dũng đem binh vào cứu, nhưng vào đến Quảng-nghĩa, gặp quân Nguyễn-văn-Thành ngăn cản, nên không cứu được Qui-nhơn.

Quan trấn-thủ Qui-nhơn Lê-văn-Thành không thấy viện binh đến mà lương thực trong thành hết cả, bèn cùng các tướng mở cửa ra hàng.

Vua Tây-sơn được tin Qui-nhơn thất thủ, bèn sai Trần-quang-Diệu và Vũ-văn-Dũng vào giữ Quảng-nam, chờ ngày khôi phục Qui-nhơn.

Tháng giêng năm Canh-thân (1800), quân của Trần-quang-Diệu và Vũ-văn-Dũng tiến đến gần thành Qui-nhơn; Võ-Tính cố thủ không ra đánh. Trần-quang-Diệu sai đắp luỹ chung quanh thành, ngày đêm hết sức đốc quân công kích. Quân Nguyễn-triều ở trong thành hết cả lương thực, lại không quân cứu viện, không thể chống giữ được nữa. Quan Trấn-thủ là Võ-Tính sai người lấy rơm cỏ chất ở dưới lầu bát giác, để thuốc súng vào tự đốt mà chết. Quan Hiệp-Trấn là Ngô-tòng-Chu cũng uống thuốc độc tự tử.

Trần-quang-Diệu vào thành Qui-nhơn, tha cho cả bọn tướng-sĩ và sai làm lễ liệm táng Võ-Tính và Ngô-tòng-Chu.

Trong khi ấy Phú-Xuân thất thủ.

Tuy Trần-quang-Diệu lấy được Qui-nhơn, nhưng còn quân nhà Nguyễn ba mặt thụ địch, nên phải hết sức chống giữ, để chờ quân Bắc hà cứu viện.

Vua Tây-sơn, từ khi thất thủ Phú-xuân, bèn truyền hịch cáo trấn để lấy viện binh. Cả thảy được ròn ba vạn người, vua Tây-sơn sang sông Linh-giang và sai tướng đem một trăm chiến thuyền vào giữ cửa Nhựt-lệ.

Bấy giờ vợ Trần-quang Diệu là Bùi-thiếu-Xuân cũng đem năm nghìn thủ-hạ đi tòng-chinh.

Tháng giêng năm Nhâm-tuất (1802), vua Tây-sơn sai Nguyễn-quang-Thùy tiến quân đánh lấy lại Trấn-ninh, đánh mãi không đổ. Vua Tây-sơn đã toan rút quân về, nhưng Bùi-thiếu-Xuân không chịu, xin cho mình đốc quân đánh trận. Từ sáng đến tối hai bên bất phân thắng phụ, bỗng được tin thủy quân của Tây-sơn đã bị phá tan ở cửa Nhựt-lệ, quân Tây sơn hiền khiếp sợ bỏ chạy.

Trần-quang-Diệu ở Qui-nhơn được tin quân Tây-sơn thua ở Trấn-ninh, liệu chống không nổi, đến tháng ba năm Nhâm tuất (1802), bỏ thành Qui-nhơn, đem binh tường qua Ai-lao ra Nghệ-an để hội với vua Tây-sơn lo việc chống giữ.

Ra đến châu Quy-hợp, xuống huyện Hương sơn, thấy quân nhà Nguyễn đã lấy được Nghệ an rồi, bèn cùng Bùi-thiếu Xuân về huyện Thanh chương; bao nhiêu quân sĩ đều bỏ cả. Được mấy hôm hai vợ chồng đều bị bắt, rồi cùng hai con phải tội voi giầy (1).

Còn Ái-Lương, vợ lẽ Trần quang Diệu, sinh được một gái, được tin chồng bị bắt, đem con chạy vào chùa Lâm-hương là chùa Thiếu-Xuân xuất-gia ngày trước, hai mẹ con cùng thụ pháp.

Mạc-Khúc Quyền xưa làm giặc nơi rừng núi, đã từng giam ân Trần-quang Diệu, sau theo làm tuỳ-tướng cho Diệu. Khi Diệu bị bắt, Khúc Quyền đem tàn quân chạy vào rừng, bị vây không có lối thoát, rồi Quyền đem thân làm mồi cho cọp.

Tuy Trần-quang Diệu cùng hai bà Bùi-thiếu Xuân và Lê Ái Lương kết-cục một cách bi-thảm, song một tấm trung trinh và những công nghiệp hiển-hách lừng lẫy một thời, tới nay vẫn cùng non sông trường thọ

(Hết)

TRỊNH NHƯ CHẤT

1) Một thuyết nói: Khi Tây sơn hoàn toàn thất bại, Bùi thị Xuân phải bắt, bị quấn rẽ tam đoạn làm thành một cây đuốc sống để tế trận vong tướng sĩ bên Nguyễn. Trong khi lửa thiêu thịt cháy, Thị Xuân vẫn nói nhưng lời bất khuất cho đến phút cuối cùng (H. B. chua).

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 8

MINH-TUYỀN

Nhân loại đã từng qua bao khổ ải,
Đã phẳng san bao trở lực hùng kiêu,
Đã dẻ bẹp bao tâm-tình kém cỏi,
Bao sai lầm tư tưởng trót thân yêu.
Đời Nhân Loại với muôn vàn khổ-sở,
Ấy hơn hẳn đá lửa rất kỳ khôi:
Khi đập mạnh vào nhau như vỡ lở
Thì nẩy ra tia sáng trói lòn giời.
Những cản-trở mà Trời bày vô kể
Trên đường đưa Nhân Loại tới Văn Minh,
Là lò đúc cho Người mót giá trị
Đáng tự hào, tự đắt với Trời xanh.
Song xét kỹ ai người không có lúc
Cảm đau thương thấm thía tận can-tràng,
Oán Tạo-Hóa khéo cơ cầu hiểm độc,
Nỡ đây chi, chất nặng gánh gian-nan.
Anh em hỡi! chúng ta hãy quỳ gối,
Ngửng đầu trông lên Trời thẳm cao sâu,
Dừng mười phút, để cùng nhau xẩm-hối,
Đã trách giời trông lúc quá âu sầu;

Ma quỷ quanh núi. Bóng cờ san-sát.
Rừng n ủ bên non. Ngọn đuốc nghiêng nghiêng.
Sông giải mông-lung. Trời cao bát ngát,
Tâm hồn nhẹ nhẹ. Thời khắc thiêng-liêng.

***

Anh em hỡi! Mênh mông lung bầu vũ-trụ
Có vô ngàn thiên-thể chuyển vần xoay
Theo phép lắc tự-nhiên chưa thấu lỏ
Bởi văn-minh nhân loại của thời nay,
Sinh ra một sức vô cùng mãnh liệt
Mà chúng ta tế-nhận bởi quan năng.
Mãnh lực đó làm mưa gào, sóng thét,
Làm lửa phun, đất sụt, đảo-điên rừng,
Làm người chết, người còn, làm nẩy nở,
Hoặc tiêu mòn, sinh vật khắp sơn hà.
Mãnh lực đó có hai luồng đối-thủ
Đột xung nhau ở nội ngoại người ta:
Một luồng thời thích-hợp cùng nhân tính,
Còn một luồng trái lại bản-năng người.
Mỗi luồng một phân chi, không nhất-định,
Ra pô cùng sức nhớ khác hình-hài.
Rõ ràng mãnh-lực thiên-nhiên thiếp lập
Cho người đời hai mặt trận bạo tàn:
Ấy mặt trận tinh-thần và vật-chất
Có muôn giây bí-hiểm nối chuyền qua.
Trên chiến địa tung-hoành gươm thần-vũ
Của cá-nhân ra sức đả Tam Hùng
Là Cá-Nhân, Đồng-Loại và Tạo-Hóa,
Làm non lay, biến loạn, rộn từng không.
Song xét kỹ, ba tay kình-địch ấy
Điều ở thiên-nhiên mãnh-lực sinh ra.
Vả sức mạnh thiên nhiên ta cảm thấy
Là tượng-chưng một đấng tối cao xa
Mà Nhân-Loại đặt tên là Tạo-Hóa
Đã sinh ra vạn vật với muôn loài.
Vậy nói Tam Hùng hay Tạo-Hóa cả
Là từ ngọn quay về gốc đó thôi.
Cùng sức mạnh giao-phong so bản-lĩnh,
Để bảo-tồn sinh-mệnh chốn doanh-hoàn,
Cá-nhân không thể không là sức mạnh,
Cá-nhân là một nghị-lực, hoàn-toàn
Một nghị-lực, mà loài Người dũng mạnh,
Hoàn-toàn một khối nghị-lực hùng-kiêu,
Bị hai mặt, trong ngoài, ra sức đánh
Bởi Hóa-công khuyến-khích chí anh-hào:
Lự trong khối đánh ra, mưu phản-gián,
Tự phía ngoài ập lại, tấn công vào,
Còn trận-thế đổi thay vô giới-hạn,
Rất gay-go, ác-liệt, rất thân cao.
Vì tệnh-mệnh của bảo-tồn năng lực,
Vì phải cố danh chi để tự hào
Hơn muôn giống thú cầm và thảo mộc
Cùng Loài Người chung sống dưới trời cao,

(Còn nữa)

M. T.

SÂM THƯƠNG

(*Tiếp theo trang 13*)

Theo đó ta thấy rõ *Sâm Thương* không bao giờ gặp nhau được, và nên nhận nó là Sao Cày và Sao Đại-hỏa (Sao Tâm) để bỏ hẳn thuyết Sao hôm, Sao mai. VIỆT-LAN

Chú dẫn

(Xem hình 1)

Ba vì sao nối liền là sao Sâm (X, B, D của tòa Orion) thấy nhằm bữa 15 Décembre hồi 18 h.

Đấu ghi vị trí sao Sâm từ 15 Décembre tới 15 Juin khoảng 18 h. Xem theo bản vẽ, ta biết ngày nào, vào khoảng 6 giờ chiều, sao Sâm đóng chỗ nào.

Như bữa 15 Décembre Sao Sâm ở chỗ bản vẽ, 6 giờ chiều bữa 30 Décembre nó sẽ đóng ở chỗ A, 6 giờ chiều bữa 15 Janvier nó sẽ đóng ở B. Cứ thế mà tính. Còn sự xê-xích vị trí từ ngày, coi rất ít. Lối 15 Mars, 6 giờ chiều, sao Sâm ở ngay thiên đỉnh (C). Lối 15 Juin, 6 giờ chiều, nó sắp lặn rồi (D).

(Xem hình 2)

Ngày 15 Juin, 18 h., Sao Thương mới qua khỏi chân trời, thấy chưa trọn Ba Ngôi sao còn khuất ở chân trời, không thấy. Trọn hình vẽ là tòa Scorpion.

Sách tham khảo. — *Dictionnaire classique de la langue chinoise par S.J. Couvreur — 2e édition. Ho Kien Fou — Imprimerie de la Mission étrangère de Hong Kong*

Vocabulaire des Sciences mathématiques, physiques et naturelles par Taranzano. (Tome 1er et Supplément)

Astronomie indienne et chinoise — J. B. Biot. Hachette.

Thiên văn giáo khoa-thư — ban Trung học.

Truyện Kiều — Bùi Kỷ và Trần trọng Kim, (1934 — Vĩnh hưng Long Hanoi)

Chinh phụ ngâm dẫn giải — Nguyễn đỗ Mục — Tân dân

Tầm nguyên từ-điển — Lê văn-Hoè — Quốc-học thư-xã.

Dở chồng báo cũ 1940. Tân-việt Mỹ-tho xuất bản

Một quyển sử Ai-cập

(*Tiếp theo trang 5*)

men theo đường bể mà tiến, tùy theo rừng núi mở đường mà đi, qua nghìn dặm đến trên Lãng-bạc ». Hồ tam-Tỉnh chua : « Lãng-bạc ở huyện Phong-khê » (tức Bắc-ninh bây giờ, theo *Khâm định Việt-sử*, quyển 1 tờ 9 a).

Sách Tàu cổ nhất chép như thế cho nên có một người Tây (Henri Maspero, *Etudes d'histoire d'An-nam*, bài V, *L'expédition de Ma Yuan* (tức Mã Viện) đăng trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient* quyển XVIII, năm 1918, số 3, trang 16 17) cho Lãng-bạc là núi Tiên-du ở Bắc-ninh, không phải ở Hà nội. Nhưng trong quyển *An-nam chí nguyên* (trang 142) có sao lại một lời than của Mã-Viện, thì xem như là tên hồ, chứ không phải tên núi ; lời than ấy như sau : « Dưới thấp-khí, trên sương mù, khí độc bốc lên, trông thấy con diều bay trên giời lăn xuống nước... » Như thế thì « vấn-đề Lãng-bạc » vẫn chưa giải-quyết...

Ứng hoè NGUYỄN VĂN TỐ

Cuốc nguyệt, cày mây

(*Tiếp theo trang 9*)

phần-tử quốc dân xứng đáng, anh nên bới đất nhặt cỏ, cuốc bẫm cày sâu, trong khi đồng bào anh đang quay máy trong xưởng thợ, hoặc chiếu kính hiển-vi trong phòng thí-nghiệm, hoặc cầm cán viết trong thư phòng... Anh đừng người biếng, để ruộng đất hoang vu vừa không lợi gì cho anh, mà lại có tội với xã-hội nữa ! Phải, xã-hội như một con tàu, chúng ta anh r các thủy-thủ. Mỗi thủy thủ đều phải làm tròn phận sự, mới mong con tàu kia đi tới cái đích là *cuộc tiến hóa chung* được ».

***

Sách nho thường nói : « *Nông giả thiên hạ chi đại bản* » (Việc nông là căn-bản cốt yếu trong thiên hạ) Hơn lúc nào hết, lúc này, nhưng câu phong dao của ta tràn đầy quả rất hợp thời.

HOA BẰNG

Sách của

Nhật - Nham TRỊNH - NHƯ - TẤU

a) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học Đường Đông Pháp

1) Trịnh gia Chinh Phả (in lần thứ hai) Giá cũ 0$40

2) Gương Luân-Lý (hết)

3) Hưng yên địa chí (in lần thứ hai, hết)

4) Bắc giang địa chí dầy 284 trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1$50

b) Vị tiền. (Xã-hội tiểu-thuyết) 0$25

Hoa xưa ong cũ. (Hài-kịch) 0$30

Từ Hanoi đến Hồ Ba bể (du ký) 2$00

Đương in. — *Uyên hải Tử Bình — Bắc-ninh địa-chí* *Ngan Treo Danh (Huyền-Đình-Sơn)*

Có bán tại các hiệu sách năm xứ và tại địa-chỉ tác-giả :

Nhật-nham Trịnh-như Tấu

Tham-tá phủ Thống-Sứ Bắc kỳ

hay biên-tập-viên báo Tri Tân 95-97 Rue Chanceaulme Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SỬ

Số 9 *Ứng-hộ* NGUYỄN-VĂN-TỐ

VII. — Cuối đời Tam-quốc nước Tàu đối với nước ta thế nào?

Sau đời Hiến-đế nhà Hán nước Tàu chia ra làm ba (220-264), vì chưa có ai đủ tài làm vua cả nước. Trong khoảng 50 năm ấy nước ta gần nước Ngô, nên thường chịu dưới quyền thú mục của nhà Ngô; sau nhà Tấn nhất-thống được nước Tàu, các quan thú-mục lại phải theo Tấn. Đào-Hoành chép dưới này cũng phải theo.

Làm thứ-sử Giao-châu, Đào-Hoành là người hay giúp kẻ nghèo, cho nên khi vua Ngô thăng làm đô đốc người châu Giao xin lưu lại, vua Ngô lại cho làm quan mục châu Giao. Đến khi vua Ngô đầu hàng nhà Tấn, chính tay viết thư bảo Đào Hoành theo nhà Tấn. Hoành khóc đến vài ngày, sai đem ấn ấn về nộp ở Lạc-dương, vua Tấn lại cho chức cũ, phong Uyển-lăng-hầu.

Đào-Hoành ở châu hơn 30 năm, khi mất cả châu thương khóc như tang cha mẹ. Đến vài người kế chân, có người dân không phục; phải đón con Đào-Hoành là Đào-Uy nhận chức thứ-sử châu Giao. Đào Uy cũng làm quan 30 năm, rất được lòng dân. Sau mất, em là Đào-Thục, con Uy là Đào-Tuy cũng nối nhau làm thứ-sử. Kể từ cha Đào-Hoành là Đào Cơ cho đến Đào-Tuy, được bốn đời nối nhau làm thứ sử, đều có ân-đức với dân: có lẽ các quan Tàu sang ta, không có họ nào được lâu dài như thế.

Nguyên Đào-Hoành là người Mạt-lăng (Đan-dương) (chép trong *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 14 a).

Tháng 11 năm Kiến-bành thứ nhất nhà Ngô, tức năm Thái-thủy thứ 5 nhà Tấn (269 sau Thiên-Chúa), nhà Ngô sai giám-quân là Ngu-Dĩ, uy-nam tướng-quân là Tiết-Hủ, thái-thú Thương-Ngô là Đào-Hoành, đi từ đường Kinh-châu, giám-quân là Lí-Húc (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 4, tờ 5 a, chép là Lí Đỉnh), đốc-quân là Từ-Tốn, đi từ đường bể Kiến-an bên Tàu, họp nhau ở Hợp-phố để đánh Dương Tắc là người nhà Tấn làm thái-thú Giao-chỉ. Lí-Húc cho đường bể Kiến-an không đi được, giết đạo tướng là Bằng-Phủ (đạo tướng là tướng dẫn đường), rồi đem quân về. Vua Ngô cho như thế là Lí-Húc giết càn và tự-tiện lui quân, bèn bắt Lí-Húc và Từ-Tốn cùng tội chết.

Sau Đào-Hoành, Ngu-Dĩ và Tiết-Hủ đánh Dương-Tắc ở sông Phần (*An-nam chí nguyên*, trang 152, chép là sông Phân-lâm). Hoành thua, lui giữ Hợp-phố, mất hai tướng. Tiết-Hủ giận, bảo Hoành rằng: « Nhà ngươi tự xin đi đánh giặc mà mất hai tướng, thì đổ lỗi cho ai? » Hoành nói: « Tôi chức quan thấp, không được làm theo ý; các quân lại không thuận nhau, cho nên đến nỗi thua! » Tiết-Hủ giận không nguôi, muốn đem quân về.

Đêm ấy Hoành đem vài trăm quân đánh úp thái-thú Cửu-chân là Đồng-Nguyên, lấy châu-báu của-cải, chở thuyền đem về. Tiết-Hủ bèn tạ lỗi cho Hoành lĩnh tiền-bộ đô-đốc châu Giao. Hoành lại từ đường bể thình-lình đi tắt đến châu. Đồng-Nguyên chống cự. Các tướng muốn đánh: Hoành ngờ trong cầu gãy có phục-binh (*An-nam chí-nguyên*, trang 152, và *Đại-Việt sử-ký*, quyển 4, tờ 8 a, chép trong tường cụt có phục binh), bèn cho quân cầm giáo dài đi phía sau. Quân vừa tiếp đến, Đồng-Nguyên giả cách thua chạy: Hoành đuổi theo, quân phục quả nhiên ra, quân giáo dài đón đánh, phá được quân Đồng-Nguyên, giết Đồng-Nguyên, rồi tiến lên, bắt được thuyền châu báu của-cải và gấm thổ-sản vài nghìn tấm, đưa cho tướng giặc ở Phù-nghiêm là Lương-Cơ vì Lương-Cơ có đem hơn vạn quân giúp Hoành (*An-nam chí-nguyên*, trang 152, chép tặc-soái ở Phù-nham là Lương-trai, *Toàn-thư*, quyển 4, tờ 5 b, chép tặc-soái ở Phù nghiêm là Lương-Tề).

Lúc bấy giờ Dương-Tắc cho tướng là Vương-Tố thay Đồng-Nguyên; dũng-tướng của Nguyên là Giải-Hệ cùng ở trong thành với Vương-Tố. Hoành sai em Hệ tên là Tượng viết thư cho Hệ, lại cho Tượng đi xe của Hoành, khi đi đâu, có kèn trống theo hầu. Bọn Vương-Tố nói rằng: « Kẻ kia đối với Tượng còn như thế, thì Hệ tất có chí đi », bèn giết Hệ. Hoành nghe tiếng, đem quân đánh gấp, hãm được châu-trị, bắt bọn Dương-Tắc và Mao-Dĩnh.

Đình liền mưu đánh úp Đào-Hoành, Hoành bắt được giết đi, và bắt sống được bọn Dương-Tắc đưa về nước Ngô. Dương-Tắc đến Hợp phố, bị bệnh chết. Bọn thuộc hạ là Mạnh-Cán, Lí-Tùng, Thoán-Năng đến Kiến-nghiệp, thì Mạnh-Cán trốn về nước Tấn, vua Tấn cho làm thái-thú Nhật-nam; còn Lí-Tùng và Thoán-Năng đều bị vua Ngô giết. Nhà Tấn truy tặng Dương-Tắc chức Giao-châu thứ-sử; con Đình, con Tùng và con Năng đều được chức quan-nội-hầu.

Cống-tào ở Cửu-chân là Lí-Tộ giữ quận theo về Tấn: Hoành sai tướng đánh không được. Cậu Lí-Tộ là Lê Hoằng (*An-nam chí nguyên*, trang 153, chép là Lê-Minh, *Toán-thư*, quyển 4, tờ 6 a, chép là Lê-Hoàn) khuyên Tộ ra hàng. Tộ đáp rằng: « Cậu cứ việc làm tướng bên Ngô, tôi cứ việc làm tôi nhà Tấn, chỉ coi nhau bằng sức thể thôi ». Cháu giữ thành không chịu hàng, hơn một giờ bị hạ (chép trong *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 12 a-14 a).

(*Còn nữa*)

Ứng hoè NGUYỄN VĂN TỐ

Đã có bán:

NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

512 trang. — In đẹp
Bản thường: 5$00
Bản Gió Vân (hết)
Bản Impérial Đại La: 20$00
(còn một số ít)

Anh Hoa
69 hàng Than Hanoi

Dịch sách xưa

(*Tiếp theo trang 3*)

lệ xuất thân thì được bổ tri huyện và huyện thừa; như không có lệ xuất thân, cùng là quân lính và nhân dân thì được bổ phó-vũ ủy tòng bát phẩm ».

Như dịch câu ấy xong rồi mà không giải thích những chữ: « 2 tư, xuất thân, tài hạng, trung ủy, vũ ủy, huyện thừa v. v.. » thì người ta đọc xong câu ấy rồi mà vẫn chưa hiểu cách thang thưởng ấy là thế nào.

Về địa-danh ở trong các sách sử của Ngu ễn-triều lại còn một điều khó nữa, là bởi các nhà làm sử hay đem những tên gọi tục dịch ra chữ hán cho nó có vẻ « văn chương ». Ví như xứ *Đồng nai* thì không chịu viết là 同 耐 như ở các sách đời Lê, mà lại dịch là *Lộc dã*, *Bến Nghé* thì gọi là *Ngưu chử*, *Chợ Cũ* thì gọi là *Sài thị*, *Mọi Đá-vách* thì gọi là *Thạch-bích man*. Những tên ấy, nếu cứ dịch y nguyên văn thì người đọc chẳng hiểu gì hết, tất cần phải tra cứu mà dịch ra tên tục.

Sau hết, trong khi đính chính và chú giải, dịch giả bằng vào sách nào hoặc tài-liệu nào thì nên chua rõ xuất xứ để người đọc có thể nhân đó mà kiểm-điểm lại công việc của mình làm. Sự chỉ xuất xứ của tài liệu mình dùng là một điều bảo đảm rất có giá trị.

Ở Vì rất hoan nghênh công việc dịch sách xưa, tôi vội vàng bày tỏ lạo thảo vài ý kiến thiển cận để bàn góp với các nhà dịch giả, nếu có chỗ chưa ổn cũng xin các ngài lượng thứ cho.

ĐÀO DUY ANH

LỚP DẠY PHÁP-VĂN KHÔNG LẤY TIỀN

CỦA HỘI TRÍ-TRI HANOI

Hội Trí-Tri Hanoi mở một lớp học tối dạy Pháp-văn không lấy tiền cho những người mới đỗ hay thi hỏng bằng tiểu-học CEPCI (ngày giờ học: tối thứ hai, thứ tư và thứ sáu, từ 8 giờ đến 9 giờ 30).

Nếu có nhiều người xin học bản-hội sẽ mở thêm một lớp học tối diễn-giảng văn-chương Pháp (littérature française) cho học sinh năm thứ ba thứ tư cao-đẳng tiểu-học (ngày giờ học: tối thứ ba và thứ năm, từ 8 giờ đến 10 giờ).

Biên tên ngay tại hội-quán phố hàng Quạt, vào hồi bảy tám giờ tối.

Hội Trí-Tri Hanoi kính cáo

HỘP THƯ

Ô. Vũ-văn Bản. Haiphong **Quan Thám kéo vó** giá 0$35 đã có bán ở đại lý T. T. là Quảng Vạn Thành-51-Doumer Haiphong. Xin ông mua tại đó cho tiện. Cảm ơn.

Sách giá trị

HỌC THUYẾT
FREUD
Một học thuyết đã làm chấn động hoàn cầu lần đầu tiên được diễn ra quốc văn do ông Tô Kiều Phương Giá 2$50

TRIẾT LÝ
về VŨ TRỤ và NHÂN SINH
của Phan Mật Giá 2$30

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT
29, LAVBLOT — Hanoi

ĐÃ XUẤT BẢN

MỘT GIAI PHẨM CỦA THƯ XÃ ALEXANDRE DE RHODES

KIM VÂN KIỀU

Cuốn II *(trọn bộ)*

Dịch Pháp-văn của ông Nguyễn-văn-Vĩnh 470 trang khổ 17×23, bìa hai màu, có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh.

Toàn bộ **KIM VÂN KIỀU** gồm 800 trang, thành một pho sách quí vô-giá để quốc-dân ngâm và biểu áng văn của Tố-như.

Bản thường 3$00 cước 0$80

Bản Vergébouffant 8$50 cước 1$20

Gửi lĩnh hóa giao ngân

TỔNG PHÁT HÀNH

MAI LĨNH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng cổ-điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn. Tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25

Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi – HANOI

51, Doumer – HAIPHONG

Muốn hiểu triết-học

Muốn hiểu các thuyết triết học đông, tây

Muốn trở nên triết-sĩ

CÁC BẠN HÃY ĐỌC

TRIẾT-HỌC ĐẠI-CƯƠNG

Quốc Học Thư-Xã

xuất-bản và phát hành

Giá mỗi cuốn 3$00

bản giấy vergé crème 10$00

bản giấy lệnh-chỉ 5$00

cước 1 cuốn 0$60 mua sách xin trả tiền trước, để

M. LÊ VĂN HÒE

16 bis TienTsin Hanoi

Sắp ra

KHỔNG TỬ HỌC-THUYẾT

Một bộ sách khác hẳn các sách nói về Khổng Giáo từ xưa tới nay, tựa của cụ Lại Bộ PHẠM QUỲNH

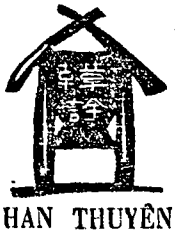

HAN THUYÊN

Tủ sách

« TÂN VĂN HÓA »

HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH

71, Tiên-Tsin — HANOI

25-9-43 có bán

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?

của NGHIÊM TỬ 0$50

ĐÃ XUẤT BẢN

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ

của BÁCH KHOA

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI

của NG. Đ. QUỲNH

ÓC KHOA HỌC *của P. N. KHUÊ*

ĐỜI SỐNG THÁI CỔ

của NG. Đ. QUỲNH

NGUỒN GỐC VĂN MINH

của BÁCH KHOA

THƯỢNG CỔ SỬ AI CẬP

của NG. ĐỨC QUỲNH

Mua 1 cuốn trả tiền trước kèm 0$40

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi